

SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 111 /TTr-TTYT

Lái Thiêu, ngày 04 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt Phương án bàn giao về tài chính, tài sản của Trung tâm Y tế
khu vực Thuận An về các Trạm Y tế trực thuộc UBND xã, phường**

Kính gửi: Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Đề án tổng thể của Ủy ban nhân dân Thành phố về sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu được phê duyệt kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND;

Thực hiện Công văn số 640/SYT-KHTC ngày 21/01/2026 của Sở Y tế TP.Hồ Chí Minh về việc triển khai nội dung hướng dẫn công tác xử lý tài sản khu thực hiện sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu và thực hiện kiểm kê tài sản công theo KH số 8676/KH-SYT ngày 17/12/2025 của Sở Y tế.

Nay Trung tâm Y tế khu vực Thuận An trình lãnh đạo Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn chỉ đạo và phê duyệt Phương án bàn giao tài chính, tài sản của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An về các Trạm Y tế trực thuộc UBND xã, phường (đính kèm các Phụ lục và Biên bản bàn giao tài chính, tài sản)

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các Phường;
- Ban Giám đốc;
- Các Khoa, Phòng;
- Lưu: VT, TCHC(H).

GIÁM ĐỐC



Phan Quang Toàn

THE SECRETARY OF THE ARMY
WASHINGTON, D. C. 20315

TO THE SECRETARY OF THE ARMY
FROM THE SECRETARY OF THE ARMY

THE SECRETARY OF THE ARMY
WASHINGTON, D. C. 20315

TO THE SECRETARY OF THE ARMY
FROM THE SECRETARY OF THE ARMY

THE SECRETARY OF THE ARMY
WASHINGTON, D. C. 20315

THE SECRETARY OF THE ARMY
WASHINGTON, D. C. 20315

THE SECRETARY OF THE ARMY
WASHINGTON, D. C. 20315



John Edgar Hoover

Số: /PA-TTYT

Lái Thiêu, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

**Thực hiện bàn giao về tài chính, tài sản của Trung tâm Y tế
khu vực Thuận An về các Trạm Y tế trực thuộc UBND xã, phường**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
2. Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.
3. Căn cứ Kết luận số 221-KL/TW ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp;
4. Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;
5. Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Hồ Chí Minh.
6. Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025)
7. Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
8. Căn cứ Kết luận số 97-KL/TU ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về Phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức bên trong hệ thống hành chính Nhà nước theo Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18, ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ và Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy;
9. Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Đề án tổng thể của Ủy ban nhân dân Thành phố về sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế)

trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu được phê duyệt kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND;

10. Công văn số 640/SYT-KHTC ngày 21/01/2026 của Sở Y tế TP.Hồ Chí Minh về việc triển khai nội dung hướng dẫn công tác xử lý tài sản khu thực hiện sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu và thực hiện kiểm kê tài sản công theo KH số 8676/KH-SYT ngày 17/12/2025 của Sở Y tế.

11. Các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Y tế, UBND TP.Hồ Chí Minh, Sở Y tế và các Sở, ban, ngành về công tác bàn giao tài sản, tài chính khác.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

Tổ chức chuyển giao công tác tài chính, tài sản và cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ chuyên môn tại các Trạm Y tế phường trực thuộc Trung tâm Y tế khu vực Thuận An thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã, phường đảm bảo hoạt động liên tục, không gián đoạn công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Yêu cầu:

- Việc chuyển giao, giải thể thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch, không gây xáo trộn hoạt động chuyên môn.

- Có kế hoạch chi tiết theo từng lĩnh vực: tài chính, tài sản, hồ sơ chuyên môn.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

3.1. Công tác bàn giao cơ sở vật chất

- Phương án sắp xếp các trụ sở làm việc và cơ sở vật chất được thực hiện theo nguyên tắc: Bàn giao nguyên trạng chức năng, nhiệm vụ, cơ sở vật chất của Trạm Y tế phường trực thuộc TTYT về Trạm Y tế phường trực thuộc UBND phường nơi có cơ sở đó đang tọa lạc.

a) Trạm Y tế phường Lái Thiêu

Tiếp nhận nguyên trạng trụ sở chính tại địa chỉ: Quốc lộ 13, Khu phố Tây, Phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với 02 điểm Y tế gồm:

- Điểm Y tế 1: 547B Khu phố Nguyễn Trãi, Phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Điểm Y tế 2: Đường Nguyễn Văn Lòng, Khu phố Bình Phước, Phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đồng thời, tiếp nhận Trụ sở Khối dự phòng chung sở đất với Điểm y tế 1 tại địa chỉ: 547B Khu phố Nguyễn Trãi, Phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh (Đề xuất là Trụ sở chính sau này).

Nhiệm vụ: ngoài chức năng, nhiệm vụ chung của TYT, Trạm Y tế Lái Thiêu còn đảm nhận chuyển giao toàn bộ hoạt động của Phòng khám Lao, Phòng khám ARV.

b) Trạm Y tế phường Bình Hòa

Tiếp nhận nguyên trạng trụ sở chính tại địa chỉ: Số 1375 Tỉnh lộ 43, Khu phố Đông Ba, Phường Bình Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Trạm Y tế phường An Phú

Tiếp nhận nguyên trạng trụ sở chính tại địa chỉ: Đường ĐT 743, Khu phố 1A, phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Trạm Y tế phường Thuận Giao

Tiếp nhận nguyên trạng trụ sở chính tại địa chỉ: Số 08, Đại lộ Bình Dương, KP.Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với 01 điểm Y tế: Đường Bình Chuẩn 18, khu phố Bình Phú, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Trạm Y tế phường Thuận An

Tiếp nhận nguyên trạng trụ sở chính tại địa chỉ: Đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Thạnh Lợi, phường Thuận An, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với 02 điểm Y tế gồm:

- Điểm Y tế 1: Hương lộ 9, Khu phố An Phú, Phường Thuận An, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Điểm Y tế 2: Đường Chòm Sao, Khu phố Hưng Lộc, Phường Thuận An, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Công tác bàn giao về Tài chính:

- Bàn giao toàn bộ số dư dự toán ngân sách nhà nước năm 2025: không có.

- Bàn giao số dư các Quỹ và số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng/kho bạc (tính đến thời điểm bàn giao): **2.019.780.788 đồng**. Kèm theo Biểu mẫu BK02-Bảng kê chi tiết bàn giao tiền gửi ngân hàng, kho bạc:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Quỹ PTHĐSN	Quỹ TTN	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ KCB
1	TYT Thuận An	759.727.074	303.715.000	175.446.100	142.832.349	60.327.421
2	TYT Lái Thiêu	49.309.517	0	19.203.000	1.126.947	23.580.456

3	TYT Bình Hòa	77.584.416	21.558.000	4.214.000	9.628.567	15.957.513
4	TYT Thuận Giao	168.428.740	18.022.000	31.490.000	15.676.934	36.816.104
5	TYT An Phú	43.122.923	18.566.000	7.209.000	6.115.000	10.123.727
	Tổng cộng	1.098.172.670	361.861.000	237.562.100	175.379.797	146.805.221

- Trung tâm Y tế khu vực Thuận An chịu trách nhiệm quyết toán tài chính đến thời điểm giải thể.

- 05 TYT Phường chịu trách nhiệm về tài chính kể từ thời điểm tiếp nhận.

- Các kế toán phân công về 5 TYT phường đã được tập huấn, cơ bản nắm công việc tài chính ngân sách và thu sự nghiệp, có chứng chỉ kế toán trưởng (hoặc sớm đào tạo có chứng chỉ kế toán trưởng) để đảm nhiệm nhiệm vụ kế toán trưởng/phụ trách kế toán.

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An đã sắp xếp đủ số lượng kế toán đảm nhận vị trí kế toán trưởng, phụ trách kế toán.

3.3. Công tác bàn giao về Công nợ

Bàn giao toàn bộ các khoản phải thu (từ BHXH, thu phí dịch vụ...): Không có

Bàn giao các khoản phải trả cho TTYT khu vực Thuận An (Tiền tồn kho thuốc): **405.446.267 đồng**. Kèm Mẫu số BK07- Bảng kê chi tiết bàn giao nợ phải thu:

DVT: đồng

Nội dung	TYT Thuận An	TYT Lái Thiêu	TYT Bình Hòa	TYT Thuận Giao	TYT An Phú	Tổng cộng
Tiền tồn kho thuốc	229.199.640	67.927.861	25.725.542	48.939.631	33.653.593	405.446.267

3.4. Công tác bàn giao về Tài sản

- Bàn giao toàn bộ cơ sở vật chất (nhà cửa, vật kiến trúc tại các cơ sở), trang thiết bị y tế, phương tiện vận tải (xe ô tô chống dịch...) và tài sản khác.

a/ Bàn giao nguyên trạng tài sản tại các TYT: Nguyên giá **248.583.068.772 đồng** (Kèm Bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng)

ĐVT: đồng

Nội dung	TYT Thuận An			TYT Lái Thiêu			TYT Bình Hòa	TYT Thuận Giao		TYT An Phú
	An Thạnh	Hưng Định	An Sơn	Lái Thiêu	Bình Nhâm	Vĩnh Phú		Thuận Giao	Bình Chuẩn	
Đất	11.066.796.000	1.943.136.000	3.348.465.120	26.376.330.240	940.001.400	17.806.464.000	14.703.000.000	14.399.424.000	5.839.704.000	33.068.568.000
Nhà	8.510.883.000	113.355.000	209.763.000	344.142.000	162.209.000	15.526.126.310	17.270.889.699	15.415.480.206	15.343.154.905	23.832.336.557
TTB chuyên dùng	3.388.110.930	0	62.107.050	257.017.110	39.089.110	3.461.282.450	2.583.115.430	4.296.355.210	3.740.364.430	3.340.562.510
TTB văn phòng	306.386.605	49.762.500	58.687.500	85.629.000	49.762.500	99.647.000	141.227.500	121.739.000	141.317.500	140.677.000
Tổng cộng	23.272.176.535	2.106.253.500	3.679.022.670	27.063.118.350	1.191.062.010	36.893.519.760	34.698.232.629	34.232.998.416	25.064.540.835	60.382.144.067
	29.057.452.705			65.147.700.120			34.698.232.629	59.297.539.251		60.382.144.067

b/ Bàn giao tài sản từ điều chuyển tài sản khối Dự phòng về các TYT: 13.196.349.157 đồng (Kèm Bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng)

DVT: đồng

Nội dung	TYT Thuận An	TYT Lái Thiêu	TYT Bình Hòa	TYT Thuận Giao	TYT An Phú
Đất	0	0	0	0	0
Nhà	0	12.598.962.641	0	0	0
TTB chuyên dùng	49.500.000	67.625.316	35.835.000	73.659.228	32.896.472
TTB văn phòng	22.369.210	270.210.000	11.184.605	34.106.685	0
Tổng cộng	71.869.210	12.936.797.957	47.019.605	107.765.913	32.896.472

- Việc bàn giao tài sản đã được kiểm kê, đánh giá và thực hiện theo đúng quy định về quản lý tài sản công:

a) Phương án: Bàn giao các xe cấp cứu của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An về các TYT quản lý khi có nhu cầu. Khi 05 TYT còn lại cần phun hóa chất diện rộng hoặc nhận lãnh hoá chất, phương tiện chống dịch, vắc xin thuốc chương trình TCMR... sẽ đề xuất/yêu cầu Trung tâm Y tế khu vực Thuận An hỗ trợ xe chuyên dụng.

b) Phương án trang bị kho vắc xin (dây chuyền lạnh) cho các TYT: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An sẽ chủ trì khảo sát, thiết kế và xây dựng 05 kho vắc xin đạt chuẩn GSP cho 05 TYT Phường.

3.5. Công tác bàn giao về Thuốc, vật tư y tế, hoá chất phòng chống dịch:

- Phương án trang bị kho vắc xin (dây chuyền lạnh) cho các TYT: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An (trước khi giải thể) sẽ chủ trì khảo sát, thiết kế và xây dựng 05 kho vắc xin đạt chuẩn GSP cho các TYT Phường.

- Phương án mua sắm thuốc điều trị: 05 TYT tiếp tục tham gia gói thầu gộp do Trung tâm Y tế khu vực Thuận An thực hiện. Các TYT sẽ mua thuốc theo kết quả thầu (dựa trên số lượng phân bổ do TTYTKV bàn giao lại).

- Khó khăn (hóa chất phòng chống dịch): HCDC đấu thầu và mua sắm tập trung. Việc TYT phải lên HCDC nhận lãnh hóa chất phòng chống dịch đối với các Trạm y tế ở xa sẽ rất khó khăn. Kiến nghị: Sở Y tế phân công HCDC đấu thầu tập trung hoá chất phòng chống dịch và có cơ chế giao quyền cho TYT mua hoá chất phòng chống dịch.

3.6. Công tác bàn giao về hồ sơ chuyên môn và hệ thống công nghệ thông tin:

- Hồ sơ điện tử: Bàn giao nguyên trạng toàn bộ cơ sở dữ liệu điện tử, bao gồm: Hồ sơ sức khỏe điện tử, dữ liệu tiêm chủng quốc gia, các phần mềm quản lý bệnh chuyên khoa (Lao, HIV) và dữ liệu KCB BHYT.

- Phần mềm & hạ tầng: Lập kế hoạch đảm bảo các TYT Phường mới được kết nối liên tục, không gián đoạn với các hệ thống phần mềm quản lý y tế chung của Sở Y tế và công giám định BHYT.

- Sở Y tế (Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) có hướng dẫn về các thủ tục, quy trình, phân cấp thực hiện hồ sơ xin cấp lại Giấy phép hoạt động, con dấu, tài khoản kho bạc, tài khoản khám chữa bệnh... cho các Trạm Y tế sau khi chuyển về Ủy ban xã quản lý; Kết thúc quá trình hành nghề và đăng ký mới trên hệ thống quản lý hành nghề của Sở Y tế.

3.7. Về cơ chế phối hợp sau thành lập các Trạm y tế

- Giao Trung tâm Y tế khu vực Thuận An (trước khi giải thể) làm đầu mối, phối hợp với các TYT Phường dự thảo "Quy chế phối hợp" trong công tác chuyên môn.

- Quy chế này tập trung vào các nội dung:

- + Cơ chế điều phối, sử dụng chung các nguồn lực đặc thù (như xe chống dịch, kho vắc xin dùng chung nếu các TYT mới chưa hoàn tất kho vắc xin của từng trạm).

- + Cơ chế phối hợp trong công tác phòng chống dịch bệnh liên phường, xã.

- + Cơ chế phối hợp thực hiện các chương trình chuyên khoa (Lao, HIV), phối hợp trong việc quản lý điều trị bệnh nhân HIV, điều trị nghiện giữa các TYT trong khu vực.

- Quy chế được trình Sở Y tế xem xét, phê duyệt và ban hành cùng thời điểm các TYT Phường mới được thành lập và đi vào hoạt động, làm cơ sở pháp lý cho việc phối hợp giữa các đơn vị.

IV. KẾ HOẠCH CHUYỂN GIAO

4.1. Chuyển giao tài sản và cơ sở vật chất

- Rà soát, kiểm kê toàn bộ tài sản cố định, công cụ dụng cụ, trang thiết bị y tế, phương tiện vận chuyển, nhà – đất, kho vật tư, hóa chất.

- Lập biên bản bàn giao cho từng Trạm Y tế theo nguyên tắc: tài sản nào phục vụ trực tiếp cho hoạt động tại địa bàn nào thì bàn giao về địa bàn đó.

- Cập nhật dữ liệu tài sản trên phần mềm quản lý tài sản công (QLTS) của Sở Tài chính và báo cáo về Sở Y tế, Sở Tài chính.

4.2. Chuyển giao tài chính

- Chốt quyết toán thu – chi, công nợ, tạm ứng đến thời điểm bàn giao.

- Bàn giao các quỹ còn dư của các TYT cho các trạm tiếp quản.
- Thanh lý hợp đồng, khóa sổ kế toán và nộp hồ sơ tài chính cho cơ quan chủ quản theo quy định.

4.3. Chuyển giao hồ sơ chuyên môn và nhiệm vụ

- Bàn giao hồ sơ bệnh truyền nhiễm, hồ sơ tiêm chủng, sổ theo dõi sức khỏe cộng đồng, hồ sơ môi trường y tế, dân số, an toàn thực phẩm...
- Bàn giao công tác chuyên môn đang triển khai cho Trạm Y tế phường/xã.
- Lập kế hoạch đảm bảo hoạt động khám chữa bệnh, tiêm chủng, phòng dịch không bị gián đoạn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Ban Chỉ đạo chuyển giao

- Trưởng ban: Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực
- Các Phó ban: Phó Giám đốc phụ trách.
- Thành viên: Trưởng các khoa/phòng: TC-HC, TC-KT, KHN, Dược, Vật tư - BHYT, đại diện Công đoàn, Kế toán trưởng, Giám đốc/Phó Giám đốc các Trạm Y tế phường/xã.

5.2. Lộ trình thực hiện (dự kiến) thực hiện trong tháng 01-02/2026

- Tuần 1-2: Rà soát tài sản, tài chính, hồ sơ chuyên môn.
- Tuần 3-4: Lập danh mục bàn giao, biên bản dự thảo
- Tuần 5-6: Thực hiện bàn giao tài sản, tài chính
- Tuần 7-8: Báo cáo kết quả thực hiện.

5.3. Chế độ báo cáo

- Báo cáo tiến độ hàng tuần về Sở Y tế.
- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện sau khi hoàn tất công tác bàn giao.

Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An kính trình Ban Giám đốc Sở Y tế xem xét, chỉ đạo để đơn vị kịp thời triển khai Phương án bàn giao theo đúng tiến độ đề ra./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- UBND các Phường;
- Trạm Y tế các Phường;
- Ban Giám đốc;
- Các Khoa, phòng;
- Lưu: VT, TCHC(H).

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA TRẠM Y TẾ VÀ CÁC ĐIỂM Y TẾ
(Kèm theo Phương án số TTYT ngày / /2026 của TTYT khu vực Thuận An)

STT	Tên trạm y tế và điểm y tế	Trụ sở làm việc	Dân số quản lý	Ghi chú
1	Trạm Y tế Lái Thiêu	Quốc lộ 13, khu phố Tây, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh	115.122 người	
1.1	Điểm y tế 1 của Trạm Y tế Lái Thiêu	547B khu phố Nguyễn Trãi, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh		
1.2	Điểm y tế 2 trạm y tế Lái Thiêu	Đường Nguyễn Văn Lộng, khu phố Bình Phước, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh		
2	Trạm Y tế phường Thuận An	Đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Thạnh Lợi, phường Thuận An, TPHCM	62.332 người	
2.1	Điểm y tế 1 của Trạm Y tế phường Thuận An	Hương lộ 9, Khu phố An Phú, phường Thuận An, Thành phố Hồ Chí Minh		
2.2	Điểm y tế 2 của Trạm Y tế phường Thuận An	Đường Chòm Sao, khu phố Hưng Lộc, phường Thuận An, TP.HCM		
3	Trạm Y tế Thuận Giao	Số 8 Quốc lộ 13, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thành phố Hồ Chí Minh	165.635 người	
3.1	Điểm trạm của Trạm Y tế Thuận Giao	Đường Bình Chuẩn 18, khu phố Bình Phú, phường Thuận Giao, thành phố Hồ Chí Minh		
4	Trạm Y tế phường Bình Hoà	Số 1375 Tỉnh lộ 43, Khu phố Đông Ba, phường Bình Hoà, thành phố Hồ Chí Minh	120.035 người	
5	Trạm Y tế phường An Phú	Đường DT743, khu phố 1 A, phường An Phú, thành phố Hồ Chí Minh	168.189 người	

PHỤ LỤC 02
BÀN GIAO CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC TRẠM Y TẾ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-TTYT ngày / /2026 của TTYT khu vực Thuận An)

A. TRẠM Y TẾ PHƯỜNG THUẬN GIAO

I. Trụ sở chính của Trạm Y tế phường Thuận Giao

1. Tổng diện tích mặt bằng: 1.932 m²
2. Diện tích xây dựng trung bình cho 01 giường bệnh (đối với Phòng khám): 10m²
3. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:

ST T	Nội dung	Số phòng	Diện tích	Ghi chú
1	Tổng số phòng và diện tích sử dụng	40	502.08 m2	
2	Phòng khám chuyên khoa Nội	2	40.32m2	
3	Phòng khám chuyên khoa Ngoại	1	20.16m2	
4	Phòng khám chuyên khoa Sản	5	100.8m2	
5	Phòng khám chuyên khoa Nhi	1	20.16m2	
6	Phòng khám Tiêm chủng mở rộng	1	20.16m2	
7	Phòng tiêm chủng	1	35.84m2	
8	Phòng khám chuyên khoa Y học cổ truyền, phục hồi chức năng	2	60.5m2	
9	Phòng cấp phát thuốc	1	24.3m2	
10	Phòng tư vấn lao	1	12.32m2	
11	Phòng tư vấn HIV	1	12.32m2	
12	Phòng siêu âm	1	18m2	
13	Phòng trực nhân viên	2	60.48m2	
14	Phòng giao ban	1	36m2	
15	Phòng hành chính	1	20.16m2	

16	Kho	2	40.16m ²	
17	Phòng tiết trùng	1	18m ²	
18	Phòng xét nghiệm	1	20.16m ²	
19	Phòng X quang	1	36m ²	
20	Phòng cấp cứu	2	50.16m ²	
21	Phòng lưu bệnh	2	80.64 m ²	
22	Phòng TMH, RHM	1	60.48m ²	
23	Phòng tư vấn KHHGD	2	38.16m ²	
24	Phòng họp tuyên truyền	1	60.48m ²	
25	Phòng vệ sinh	12	73.92m ²	

II. Điểm Y tế 1 của Trạm Y tế phường Thuận Giao

1. Tổng diện tích mặt bằng: 2933m²
2. Diện tích xây dựng trung bình cho 01 giường bệnh (đối với Phòng khám): 4m²
3. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:
 - Phòng trực: 15 m²
 - Phòng cấp cứu: 30 m²
 - Phòng khám ngoại: 20 m²
 - Phòng truyền thông: 20 m²
 - Phòng Siêu âm: 20 m²
 - Phòng chụp XQ: 30 m²
 - Phòng tiêm chủng: 40 m²
 - Phòng khám bệnh 20 m²
 - Phòng dược: 25 m²
 - Phòng lưu bệnh nam: 40 m²
 - Phòng lưu bệnh nữ: 40 m²
 - Phòng họp: 40 m²
 - Phòng khám đông y: 40 m²
 - Phòng xét nghiệm: 25 m²

- Phòng nha: 30 m²
- Phòng sanh, phòng kỹ thuật: 20 m²
- Phòng khám phụ khoa, khám thai: 20 m²
- Phòng tư vấn: 20 m²

4. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

- a) Xử lý nước thải: không
- b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt: có

5. An toàn bức xạ: không

6. Hệ thống phụ trợ:

- a) Phòng cháy chữa cháy: có
- b) Khí y tế: 2 bình oxy lớn
- c) Máy phát điện: không
- d) Thông tin liên lạc: 02743740443

7. Cơ sở vật chất khác (nếu có): Không

B. Trạm Y tế phường An Phú

*** Trụ sở chính của Trạm Y tế phường An Phú**

- 1. Tổng diện tích mặt bằng: 6.120 m²
- 2. Diện tích xây dựng trung bình cho 01 giường bệnh (đối với Phòng khám):
4 m²
- 3. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:
 - Phòng khám bệnh: 30 m²
 - Phòng dược: 40m²
 - Kho dược: 50 m²
 - Phòng Cấp cứu: 30 m²
 - Phòng Truyền thông: 40 m²
 - Phòng Siêu âm: 30 m²
 - Phòng lưu bệnh: 30m²
 - Phòng trực nam: 30 m²
 - Phòng trực nữ: 30 m²
 - Phòng Sản: 30m²
 - Nhà bếp: 20m²
 - Kho sạch: 50m²

- Phòng tiêm chủng: 50m²
- Nhà vệ sinh: 20m²
- 4. Các điều kiện vệ sinh môi trường:
 - a) Xử lý nước thải: Không có
 - b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt: HĐ số 41/TTYT
- 5. An toàn bức xạ: Không có
- 6. Hệ thống phụ trợ:
 - a) Phòng cháy chữa cháy: 04 bình
 - b) Khí y tế: 2 bình oxy lớn, 2 bình oxy nhỏ
 - c) Máy phát điện: 01 cái, 5Kv Honda
 - d) Thông tin liên lạc:
 - Số điện thoại: 0274.3740545
 - Số di động: 0983.760.725
- 7. Cơ sở vật chất khác (nếu có): Không

C. TRẠM Y TẾ PHƯỜNG THUẬN AN

I. Trụ sở chính của Trạm Y tế phường Thuận An

1. Tổng diện tích mặt bằng: 1237m²
2. Diện tích xây dựng trung bình cho 01 giường bệnh: 82.5/1 giường.
3. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:
 - Phòng cấp cứu: 33m²
 - Phòng tiểu phẫu: 12.6m²
 - Kho lưu: 18m²
 - Phòng lao: 18m²
 - Tổng diện tích Phòng X- Quang: 18m²
 - Phòng Khám thai: 18m²
 - Phòng sanh: 16m²
 - Phòng hậu sản: 24m²
 - Phòng KHHGD: 24m²
 - Phòng siêu âm: 18m²
 - Phòng cấp phát thuốc thu viện phí: 16m²
 - Phòng trực: 12.2m²
 - Phòng khám YHCT: 18m²

- Phòng châm cứu: 18m²
- Phòng phục hồi chức năng: 24m²
- Phòng khám ngoại: 18m²
- Phòng khám nội: 18m²
- Phòng tiêm ngừa: 32.5m²
- Phòng lưu bệnh nhi:
- Phòng xét nghiệm: 18m²
- Phòng lưu bệnh nữ: 12.6m²
- Phòng lưu bệnh nam: 16m²
- Phòng răng hàm mặt: 18m²
- Phòng Khám tai mũi họng: 30m²
- Phòng tiết trùng, rửa: 18m²
- Phòng trưởng phòng khám: 18m²
- Phòng hành chánh: 24m²
- Phòng Hội trường: 32.5m²

4. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

- a) Xử lý nước thải: 1
- b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt: 1 hợp đồng liên kết

5. An toàn bức xạ:

6. Hệ thống phụ trợ:

- a) Phòng cháy chữa cháy: 1
- b) Khí y tế: 03 bình oxy
- c) Máy phát điện: 1 cái
- d) Thông tin liên lạc: 02743746834

7. Cơ sở vật chất khác (nếu có): Không

II. Điểm Y tế 1 của Trạm Y tế phường Thuận An

Được xây dựng và đưa vào hoạt động năm 2003

Diện tích đất: 519 m²

Diện tích mặt bằng: 250 m²

Diện tích xây dựng: 239m²

Kết cấu xây dựng nhà: Nhà cấp 04

Diện tích các phòng:

STT	Nội dung	Số phòng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Phòng cấp cứu	1	9,28	
2	Kho lưu	1	14,96	
3	Phòng khám thai	1	8,99	
4	Phòng sanh	1	12,32	
5	Phòng hậu sản	1	20,16	
6	Phòng tư vấn KHHGD	1	9,52	
7	Phòng dược	1	9,58	
8	Phòng khám YHCT	1	17,16	
9	Phòng châm cứu	1	16,72	
10	Phòng khám nội	1	9,28	
11	Phòng tiết trùng	1	4,48	
12	Phòng hành chánh	1	8,12	

III. Điểm Y tế 2 của Trạm Y tế phường Thuận An

Diện tích đất: 1012 m²

Diện tích xây dựng: 500m²

Kết cấu xây dựng nhà: Nhà cấp 04

Diện tích các phòng:

STT	Nội dung	Số phòng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Phòng cấp cứu	1	15	
2	Kho lưu	1	15	
3	Phòng khám thai	1	12	
4	Phòng sanh	1	8	
5	Phòng hậu sản	1	13.6	
6	Phòng tư vấn KHHGD	1	11	

7	Phòng dược	1	15	
8	Phòng khám YHCT	1	15	
9	Phòng châm cứu	1	16,72	
10	Phòng khám nội	1	12	
11	Phòng tiết trùng	1	6	
12	Phòng trực	1	20	
13	Phòng tiêm chủng	1	32	
14	Phòng tiêm thuốc	1	8	
15	Phòng dân số	1	10	
16	Phòng xét nghiệm	1	6	
17	Phòng họp	1	25.5	

- Hồ sơ xây dựng (Phụ lục đính kèm)
- Mộc trạm
- Hợp đồng dịch vụ cấp nước sạch số: 4636/13
- Hợp đồng mua bán điện số: 20/002563
- Bản xác nhận tình trạng sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin.

D. TRẠM Y TẾ PHƯỜNG BÌNH HÒA

*** Trụ sở chính của Trạm Y tế phường Bình Hòa**

1. Hệ thống nước thải: hiện tại đã hư

1. Tầng hầm: bếp và phòng giặt, nhà gửi xe

2. Tầng trệt

- Phòng khám, điều trị nhi khoa và tiêm chủng: 36,06 m²
- Phòng khám YHCT, châm cứu: 39,78 m²
- Phòng trực nhân viên: 20,52m²
- Tổng diện tích Phòng X- Quang: 41,74m²
- Phòng siêu âm: 20.78 m²
- Phòng sanh và thực hiện kỹ thuật: 20,52 m²
- Phòng Khám thai, Khám phụ khoa: 20,52 m²
- Phòng cấp cứu và tiểu phẫu: 20,52 m²

- Phòng lao: 11,88 m²
- Phòng cấp phát thuốc: 23,10m²

Lầu 1:

- Phòng Khám tai mũi họng, răng hàm mặt: 20,78 m².
- Phòng tư vấn KHHGĐ: 20,78 m²
- Phòng hậu sản: 20,78 m²
- Phòng phục hồi chức năng: 42,12 m²
- Phòng khám Mắt: 20,52 m²
- Phòng tư vấn HIV: 11,34 m²
- Phòng trưởng phòng khám: 18,36 m²
- Phòng xét nghiệm: 20,76 m².
- Phòng hành chánh: 39,28 m².
- Phòng khám nội: 20,52 m²
- Phòng khám ngoại: 20,52 m²
- Kho : 20,52 m²

Lầu 2: không sử dụng do phòng khám không lưu bệnh nhân nội trú

- Phòng trực nhân viên: 20,78 m²
- Phòng lưu bệnh nam: 42,53m².
- Kho dược, thiết bị : 20,52 m².
- Phòng lưu bệnh nữ: 42,12 m²

4. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

- Xử lý nước thải: Không có
- Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt: HĐ số 41/TTYT

5. An toàn bức xạ: Không có

6. Hệ thống phụ trợ:

- Phòng cháy chữa cháy: 04 bình
- Khí y tế: 1 bình oxy lớn
- Thông tin liên lạc:

- Số điện thoại: 0274.3740545
- Số di động: 0983.760.725

7. Cơ sở vật chất khác (nếu có): Không

E. TRẠM Y TẾ PHƯỜNG LÁI THIÊU

I. Trụ sở chính của Trạm Y tế phường Lái Thiêu

1. Tổng diện tích mặt bằng: 2.378m²
2. Kết cấu xây dựng nhà: Nhà cấp III, 1 trệt, 2 lầu
3. Diện tích xây dựng sử dụng cho phòng khám: 1315,73 m²
4. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:

- Phòng cấp cứu: 20,16 m²
- Phòng tiểu phẫu: 10,08 m²
- Kho lưu: 10,08 m²
- Phòng lao: 20,16 m²
- Tổng diện tích Phòng X- Quang: 40,32m²
- Phòng Khám thai: 20,16 m²
- Phòng sanh: 20,16 m²
- Phòng hậu sản: 20,16 m²
- Phòng KHHGD: 20,16 m²
- Phòng siêu âm: 20,16 m²
- Phòng cấp phát thuốc thu viện phí: 40,32m²
- Phòng trực: 20,16 m²
- Phòng khám YHCT: 20,16 m²
- Phòng châm cứu: 20,16 m².
- Phòng phục hồi chức năng: 20,16 m²
- Phòng khám ngoại: 20,16 m²
- Phòng khám nội: 20,16 m²
- Phòng tiêm ngừa: 40,32
- Phòng lưu bệnh nhi: 40,32 m².
- Phòng siêu âm: 20,16 m².
- Phòng xét nghiệm: 20,16 m².
- Phòng lưu bệnh nữ: 20,16 m².
- Phòng lưu bệnh nam: 20,16 m².
- Phòng răng hàm mặt: 20,16 m².
- Phòng Khám tai mũi họng: 20,16 m².
- Kho lưu: 20,16 m².
- Phòng tiết trùng, rửa: 20,16 m².
- Phòng trường phòng khám: 20,16 m²

- Phòng hành chánh: 20,16 m².
- Phòng Hội trường: 31,74 m².

4. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

- a) Xử lý nước thải: Có
- b) Xử lý rác y tế, rác sinh hoạt: Có

5. An toàn bức xạ: Không

6. Hệ thống phụ trợ:

- a) Phòng cháy chữa cháy: Có
- b) Khí y tế: Có
- c) Máy phát điện: Có
- d) Thông tin liên lạc: Có

II. Điểm Y tế 1 của Trạm Y tế phường Lái Thiêu

Diện tích đất: 2032.2 m²

Diện tích mặt bằng: 408.3 m²

Diện tích xây dựng: 393.86m²

Kết cấu xây dựng nhà: Nhà cấp 04

Diện tích các phòng:

STT	Nội dung	Số phòng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Phòng cấp cứu	1	10	
2	Kho lưu	1	15	
3	Phòng khám thai	1	40	
4	Phòng sanh	1	10	
5	Phòng hậu sản	1	10	
6	Phòng tư vấn KHHGD	1	9	
7	Phòng dược	1	9	
8	Phòng khám YHCT	1	10	
9	Phòng châm cứu	1	10	
10	Phòng khám nội	1	10	

11	Phòng tiết trùng	1	5	
12	Phòng hành chánh	1	10	

III. Điểm Y tế 2 của Trạm Y tế phường Lái Thiêu

Đơn vị có 15 phòng chuyên môn:

STT	Nội dung	Số phòng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Phòng Cấp cứu	1	12	CC nội, ngoại, tiểu phẫu
2	Phòng khám chuyên khoa Sản	3	40	Phòng sanh, Phòng Khám phụ khoa, P khám thai
3	Phòng khám YHCT	2	28	P Khám , PK YHDT
4	Phòng tiết trùng	1	12	
5	Phòng Tiêm ngừa	1	12	
6	Phòng dược	1	12	
7	Phòng trực	1	12	
8	Phòng Khám bệnh	2	24	
9	Phòng họp	1	18	
10	Phòng hậu sản +phòng xét nghiệm	2	24	Đang trưng dụng làm phòng kho

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 112/95 QSDĐ ngày 28/03/1995 (Trạm lưu giữ bản sao).

- Quyết định số 293/QĐ- SYT ngày 08/05/2014 về việc chuyển đổi các Trạm y tế, Trạm Y tế và Trạm Y tế cụm công nghiệp thuộc Trung tâm Y tế thị xã Thuận An.

- Quyết định số 337/QĐ- SYT ngày 15/04/2020 về việc chuyển đổi các Trạm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực và Phòng khám đa khoa khu vực cụm công nghiệp thuộc Trung tâm Y tế thị xã Thuận An thành các Trạm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực và Phòng khám đa khoa khu vực cụm công nghiệp thuộc Trung tâm Y tế thành phố Thuận An.

- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 00737/BD-GPHĐ ngày 10/4/2023 của Sở Y tế Bình Dương.

- Mộc dấu trạm y tế: 01 mộc đỏ tròn.

- Trạm chưa có hệ thống xử lý nước thải

- Phòng cháy chữa cháy : Trạm có 3 bình chữa cháy được ủy ban phường hỗ trợ mua và bơm ngày 03/04/2024, chưa có bảng biểu PCCC, Chưa có hồ sơ PCCC.



DANH SÁCH TÀI SẢN CÓ ĐỊNH TẠI NƠI SỬ DỤNG

(Đính kèm Phương án thực hiện bàn giao về tài chính, tài sản của TTYT khu vực Thuận An về các Trạm Y tế trực thuộc UBND xã, phường
 số: /PA-TTYT ngày tháng năm 2026 của TTYT khu vực Thuận An)

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Hãng sản xuất/Model/Xuất xứ	Số lượng	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
Khoa: Chẩn đoán hình ảnh							
1	Hệ thống chuyển đổi XQ kỹ thuật số DK nguồn 20% kết dư quỹ KCB 2018	Model: P-61	1	2019	2019	Đang hoạt động	
2	Hệ thống máy X-quang di động	Model: BO-510C	1	2021	2021	Đang hoạt động	
3	Máy chụp XQ cao tầng	E7239FX	1	2010	2010	Đang hoạt động	
4	Máy chụp X-quang cao tần 400mA+Máy rửa phim	E7239FX	1	2015	2015	Đang hoạt động	
5	Máy điện tim 3 kênh Cardico 306	cardico306	1	2014	2014	Đang hoạt động	
6	Máy điện tim 3 kênh KENZ CARDICO 306	Cardimax FX-7102	1	2018	2018	Đang hoạt động	
7	Máy đo điện não đồ Model EEG-1200K	LS-120AK	1	2016	2016	Ngưng hoạt động/ chờ sửa	
8	Máy siêu âm Doppler màu NSNN gói 200 giường	Siemens Acuson X300	1	2019	2019	Đang hoạt động	
9	Máy siêu âm doppler màu >3 đầu dò	Acuson NX3 Elite	1	2021	2021	Đang hoạt động	
10	Máy siêu âm doppler màu số hóa (Vĩnh phú)	Acuson X300	1	2015	2015	Ngưng hoạt động/ chờ sửa	
11	Máy siêu âm màu (T.Giao chuyển về)	Siemens Acuson X 700	1	2015	2015	Đang hoạt động	
12	Máy Xquang di động NSNN gói 200 giường	Siemen Model: (240)10084641	1	2019	2019	Ngưng hoạt động	sử dụng kết hợp với hệ thống CR, đơn vị hiện không còn hệ thống CR
13	Máy điện tim 3 kênh NIHON KOHDEN	CardiofaxC	1	2021	2021	Đang hoạt động	
14	Máy siêu âm xách tay 2 đầu dò nhận từ TT phòng chống HIV/AIDS	Prosound2	1	2015	2015	Đang hoạt động	
15	Máy siêu âm doppler màu số hóa		1	2015	2015	Đang hoạt động	
16	Máy lạnh Sanyo 1,5HP AQUA		1		2017	Hư hỏng	
17	Máy lạnh Sanyo 2,0 HP AQUA		1		2017	Hư hỏng	
18	Máy lạnh 1,5hp Aqua		3		2018	Hư hỏng	
19	Máy tính để bàn(gói 20 bộ)		1		2018	Đang hoạt động	

20	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		2		2019	Đang hoạt động	
21	Máy lạnh 1,5hp Aqua (5%)		1		2020	Đang hoạt động	
22	Máy lạnh treo tường 1HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Đang hoạt động	
23	Máy lạnh treo tường 1HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Đang hoạt động	
24	Máy lạnh treo tường 1HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Đang hoạt động	
25	Máy lạnh treo tường 1,5HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Đang hoạt động	
26	Máy lạnh treo tường 2HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Đang hoạt động	
27	Máy lạnh treo tường 2HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2015	Hư hỏng	
28	Tivi 65 inch Sony		1		2023	Hư hỏng	Chờ thanh lý
29	Máy lạnh 1.5 HP Panasonic NSNN Covid 19						
30	Hệ thống XQ kỹ thuật số Dryfix (kèm Hệ thống máy in phim Fujifilm Dryic 7000 ba học + máy in phim Drypix smart 2 học)		1		2011	Hư hỏng	Chờ thanh lý
31	Máy nhũ ảnh		1		2013	Ngưng hoạt động/ chờ sửa	
32	Máy siêu âm Aloka		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
33	Máy siêu âm Doppler màu số hóa (An thành)		1		2013	Hư hỏng	Chờ thanh lý
34	Máy siêu âm xách tay MD: (an thành)		1		2006	Hư hỏng	Chờ thanh lý
35	Lá chỉ phòng XQ		1		2005	Hư hỏng	Chờ thanh lý
36	Máy chụp XQ Toshiba		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
37	Máy đo độ loãng xương		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
38	Máy siêu âm Iris		1		2014	Hư hỏng	Chờ thanh lý
39	Máy điện tim 3 kênh Cardico 306		1			-Đầu đèn hoạt động -Thân máy tại trạm Vĩnh phú(cũ)	
40	Máy chụp X-quang cao tần 400mA + Máy rửa phim (XDCB- Trầm)		1		2015		Hộp đựng cụ đặt vòng tránh thai
41	Dụng cụ đặt vòng tránh thai		1		2015	Đang hoạt động	Hộp đựng cụ đặt vòng tránh thai
42	Dụng cụ đặt vòng tránh thai		1		2015	Đang hoạt động	
43	Máy siêu âm màu 3D/4D		1		2015	Đang hoạt động	Đang hoạt động tại khoa

44	Máy siêu âm Doppler màu			1		2010	Đang hoạt động	hiện lưu khoa cấp cứu, sử dụng cho siêu âm tại giường
45	Máy lạnh 1.5 HP Panasonic NSNN Covid 19			1		2023	Hư hỏng	Chờ thanh lý
Khoa: Phẫu thuật gây mê hồi sức								
1	Bàn mổ đa năng	NOT-6600S		1	2015	2015	hư hỏng	Chờ thanh lý
2	Bàn mổ đa năng (An Thanh)	BLEMONT-Đức		1	2013	2013	hư hỏng	Chờ thanh lý
3	Bộ đại phẫu thuật	Đức		1	2010	2010	Bình thường	
4	Bộ đặt nội khí quản	Đức		1	2014	2014	Bình thường	
5	Bộ đặt nội khí quản thường	Đức		1	2021	2021	Bình thường	
6	Bộ dụng cụ phẫu thuật CTCH	Đức		1	2010	2010	Bình thường	
7	Bộ dụng cụ phẫu thuật CTCH	Đức		1	2010	2010	Bình thường	
8	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng 20% BHYT 2017	Đức		1	2019	2019	Bình thường	
9	Bộ dụng cụ phẫu thuật vi phẫu mạch máu(PTSN) 2018	Đức		1	2019	2019	Bình thường	
10	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương (PTSN 2019)	Đức		1	2020	2020	Bình thường	
11	Bơm tiêm tự động (PTSN) 2018	Đức		1	2019	2019	Bình thường	
12	Đèn mổ treo trần 2 nhánh (NSNN) gói 200 giường	CRV0404		1	2019	2019	Bình thường	
13	Đèn mổ treo trần Slymex Cosmic	n6464		1	2010	2010	Bình thường	
14	Đèn mổ treo trần Slymex Cosmic			1	2010	2010	Bình thường	
15	Hệ thống C-ARM di động (Chẩn đoán hình ảnh) 20% BHYT 2017	Cios connect-Đức		1	2019	2019	Hư hỏng	Đang sửa chữa
16	Máy bơm CO2 phẫu thuật (PTSN) 2018	Đức		1	2019	2019	Bình thường	
17	Máy gây mê và giúp thở Datex-Ohmeda	Datex-Ogmeha		1	2010	2010	Bình thường	
18	Máy gây mê và giúp thở Datex-Ohmeda	Datex-Ogmeha		1	2010	2010	Bình thường	
19	Máy Khoan xương	BJ14002-313		1	2020	2020	Bình thường	
20	Máy làm ấm dịch truyền (PTSN) 2018	Nhật bản		1	2019	2019	Bình thường	
21	Máy mổ nội soi ổ bụng	SC-SX19-A1511		1	2013	2013	Bình thường	
22	Máy tán sỏi laser srm-H3b nguồn 20% KCB	DRYPIX6000- Nhật		1	2019	2019	Bình thường	
23	Máy theo dõi bệnh nhân > 5 thông số	BSM-3562		1	2021	2021	Bình thường	
24	Monitor theo dõi BN 6 thông số (NSNN) EtCO2 gói 200 giường	BSM-3562- Nhật		1	2019	2019	Bình thường	
25	Monitor theo dõi BN 6 thông số (NSNN) EtCO2 gói 200 giường	BSM-3562- Nhật		1	2019	2019	Bình thường	
26	Ông soi niệu quản bề thân 20% BHYT 2017	Karl Storz-Đức		1	2019	2019	Bình thường	

27	Bộ dụng cụ cắt trĩ	ĐỨC	1	2010	2010	Bình thường	
28	Bộ phẫu thuật sản	ĐỨC	1	2010	2010	Bình thường	
29	Bộ trung phẫu	ĐỨC	1	2010	2010	Bình thường	
30	Bộ trung phẫu	ĐỨC	1	2010	2010	Bình thường	
31	Bộ trung phẫu (D. Tiếng)	ĐỨC	1	2013	2013	Bình thường	
32	Máy gây mê kèm thở 20% BHYT 2017	Fabius Plus	1	2019	2019	Bình thường	
33	Bộ dụng cụ cắt Amydal		1		2010	Bình thường	Chuyên khoa LCK
34	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản (PTSN 2019)		1		2020	Bình thường	
35	Bộ dụng cụ mổ đẻ		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
36	Bộ dụng cụ mổ đẻ		1		2010	Bình thường	
37	Bộ dụng cụ mổ đẻ (ptsn 5%)		1		2019	Bình thường	
38	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản (PTSN 2019)		1		2020	Bình thường	
39	Bộ nội soi tiết niệu (bên cát)		1		2013	Bình thường	
40	Đèn mổ treo trần Slymex Cosmic		1		2010	Bình thường	Trả kho TTB
41	Đèn mổ di động 1 bóng (an thành chuyên vẽ)		1		2013	Bình thường	Trả kho TTB
42	Đèn mổ di động 4 bóng (an thành chuyên vẽ)		1		2013	Bình thường	Trả kho TTB
43	Dụng cụ hút dính sigmoid (bộ mổ CTCH (búa rút dính 674) -PTSN		1		2011	Hư hỏng	Chờ thanh lý
44	Dụng cụ PT da dầy (D. Tiếng)		1		2013	Hư hỏng	Chờ thanh lý
45	Giường y tế 2 tay quay hồng kỳ HK 9007 (PTSN)		5		2018	Hư hỏng	Chờ thanh lý 02 cái
46	Giường y tế		5		2016	Bình thường	
47	Giường y tế 1 tay quay HK-9005 (CTTNHH Hong ky tăng)		1		2015	Bình thường	
48	Kính loup phẫu thuật (PTSN) 2018		1		2019	Bình thường	
49	Máy bơm tiêm tự động Braun		1		2010	Bình thường	
50	Máy đo Spo2 cầm tay (PTSN 2018		1		2019	Bình thường	
51	Máy đốt điện (dao mổ điện)		1		2005	Bình thường	Hết thời gian sử dụng ,Kiểm định không đạt
52	Máy đốt điện cao tần Doctanz		1		2010	Bình thường	Hết thời gian sử dụng ,Kiểm định không đạt
53	Máy đốt điện cao tần Doctanz		1		2010	Bình thường	Hết thời gian sử dụng ,Kiểm định không đạt
54	Máy gây mê BOYLE		1		2005	Hư hỏng	Chờ thanh lý
55	Máy giúp thở cao cổ (D.Tiếng)		1		2013	Còn sử dụng được	Trả kho TTB
56	Máy hút dịch (PTSN 2019)		1		2020	Bình thường	
57	Máy hút dịch phẫu thuật và sản khoa		1		2021	Bình thường	
58	Máy hút nhót Doctor's Friend		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
59	Máy hút nhót Doctor's Friend		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý

60	Máy hút nhót Doctor's Friend		1		2010	Bình thường	
61	Máy hút nhót Medi-Pump(máy hút DD)		1		2006	Bình thường	
62	Máy khoan xương điện Aesculap		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
63	Máy khoan xương motor		1		2017	Hư hỏng	Chờ thanh lý
64	Máy lạnh Aqua 2,0 HP quỹ 5%		1		2020	Bình thường	
65	Máy lạnh Toshiba 2,5 HP		1		2013	Bình thường	
66	Máy lọc và khử khuẩn không khí		1		2021	Hư hỏng	Bảo sửa chữa, chưa được sửa
67	Máy phá rung và tạo nhịp tim Cadiolife		1		2008	Hư hỏng	Chờ thanh lý
68	Máy phun thuốc khử trùng phòng mổ		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
69	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		1		2019	Bình thường	
70	Monitor		1		2009	Bình thường	
71	Monitor cảm ứng (Cúm A)		1		2011	Bình thường	
72	Monitor theo dõi		1		2010	Bình thường	
73	Monitoring theo dõi bệnh nhân CC (01 chuyển gây mê)		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
74	Tay định vị đầu gần		1		2014	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
75	Tay định vị đầu xa		1		2014	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
76	Thiết bị rửa tay phòng mổ		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
77	Thiết bị tiết trùng phòng mổ di động		1		2009	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
78	Tủ sấy Memmert		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
79	Bàn mổ		1		2005	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
80	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
81	Bộ cura xương điện		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
82	Bộ đại phẫu thuật		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
83	Bộ đặt nội khí quản		1		2014	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
84	Bộ dụng cụ cắt Amydal		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
85	Bộ dụng cụ PT dạ dày		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
86	Bộ dụng cụ PT dạ dày		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
87	Bộ dụng cụ triệt sản nam nữ		1		2015	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
88	Bộ dụng cụ mổ đẻ & dạ con		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
89	Bộ phẫu thuật phụ khoa		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
90	Bộ phẫu thuật sản		1		2010	Hư hỏng Nhiều	Chờ thanh lý
91	Đèn mổ di động Slymex Cosmic		1		2010	Bình thường	Chờ thanh lý
92	Khung định vị chữ L		1		2014	Bình thường	Trả phòng TTB
93	Máy điện tim 6 kênh Fukada FX -7203 (NSNN)gói 200 giường		1		2019	Hư hỏng	Chờ thanh lý

94	Máy gây mê kèm thở 20% BHYT 2017		1		2019	Bình thường	
95	Máy gây mê Solf Lander		1		2005	Hư hỏng	Chờ thanh lý
96	Máy gây mê Solf Lander + giúp thở		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
97	Bộ đặt nội khí quản nguồn VP 5%KBCB		1		2024	Bình thường	
98	Máy lạnh treo tường 1HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
99	Máy lạnh treo tường 1HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
100	Máy lạnh treo tường 1HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
101	Máy lạnh treo tường 1,5HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
102	Máy lạnh treo tường 1,5HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
103	Máy lạnh treo tường 2,5HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
104	Máy lạnh treo tường 2,5HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
105	Bàn mổ đa năng		1		2015	hư hỏng	Chờ thanh lý
106	Máy hút âm 35 lít/ngày		1		2015	Bình thường	
107	Máy hút âm 35 lít/ngày		1		2015	Bình thường	
108	Bàn mổ đa năng thủy lực		1		2015	Hư hỏng	Chờ thanh lý
109	Bộ đặt nội khí quản người lớn + trẻ em+trẻ sơ sinh có camera (lưỡi hợp kim)_Nguồn VP 5% KBCB		1		2025	Bình thường	
110	Máy lạnh 1.5 HP Panasonic NSNN Covid 19		1		2023	Bình thường	
111	Máy lạnh 1.5 HP Panasonic NSNN Covid 19		1		2023	Bình thường	
112	Bàn mổ vạt nâng thủy lực		1		2010	Bình thường	
113	Bàn mổ thủy lực		1		2005	Bình thường	
114	Máy lạnh 1.5 HP Panasonic NSNN Covid 19		1		2023	Bình thường	
Khoa: Nội							
1	Giường y tế 2 tay quay hồng kỳ HK 9007 (PTSN)		7		2018	Đang sử dụng	
2	Giường y tế		11		2016	Đang sử dụng	
3	Giường y tế 2 tay quay (Trung cao)		1		2015	Đang sử dụng	
4	Giường y tế 2 tay quay (Trung cao)		1		2015	Đang sử dụng	
5	Giường y tế 2 tay quay (Trung cao)		1		2015	Đang sử dụng	
6	Giường y tế 2 tay quay (Trung cao)		1		2015	Đang sử dụng	
7	Máy bơm tiêm điện 2		1		2010	Hư hỏng	Đã bàn giao Khoa Nhiễm

8	Máy bơm tiêm điện(kho chuyên)/2016		1		2010	Hư hỏng	Đã bàn giao Khoa Nhiễm
9	Máy đo SPO2 cầm tay		2		2021	Hư hỏng	Chờ thanh lý
10	Máy hút điện (Yhct chuyên sang)		1		2010	Đang sử dụng	
11	Máy shock điện 360-400j (PTSN) 2018		1		2019	Đang sử dụng	
12	Máy tạo Oxy		1		2021	Hư hỏng	
13	Máy tính để bàn gói 20 bộ		1		2018	Đang sử dụng	
14	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		4		2019	đang sử dụng	
15	Máy truyền dịch tự động		2		2021	Bình thường	Đã bàn giao khoa Nhi
16	Tủ locker 36 hộc		1		2017	Đang sử dụng	
17	Máy đo nồng độ Oxy trong máu (Spo2)		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
18	Máy đo SPO2 cầm tay		2		2021	Đang sử dụng	
19	Máy điện tim 3 kênh KENZ CARDICO 306		1		2018	Hư hỏng	Chờ thanh lý
20	Máy tạo Oxy		6		2021	Hư hỏng	Chờ thanh lý
21	Máy ly tâm		1		2016	Hư hỏng	Chờ thanh lý
22	Bảng ca y tế 2 chức năng. Model: 7518 (5 BỐ)		1		2024	Đang sử dụng	
23	Bơm tiêm tự động (PTSN) 2018	007278/8717030	1	2019	2019	Hư hỏng	Đã bàn giao cho phòng VTTTB để thanh lý T8/2025
24	Máy truyền dịch tự động (N)	54748/ 8712212	1	2010	2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
25	Máy đo điện tim 3 cần	ECG-2150K ver 02-01	1	2021	2021	Đang sử dụng	
26	Máy theo dõi BN 6 thông số Intelli Vue MX 430 (kết dư 2015)	Phillips	1	2018	2018	g lên nguồn. Đã báo vật tư sửa chữa	
27	Máy truyền dịch Infusomat P (PTSN)2018	Infusomat P	1	2019	2019	Đang sử dụng	
28	Monitor máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	DGM80008	1	2021	2021	Đang sử dụng	
29	Máy đo độ bão hoà oxy cầm tay(NSNN)gói 200 giường	S3SNH0304	1	2019	2019	Đang sử dụng	
Khoa:Ngoại							
1	Bộ dây nội soi đại tràng (PTSN) 2018	EG-290KP PENTAX - NHẬT BẢN	1		2019	Bình thường	
2	Bơm tiêm tự động (PTSN) 2018	8717030	1		2019	Bình thường	hư hỏng đèn ko có thay thế từ năm 2021
3	Máy đốt laser CO2 stl 3000p	Hàn quốc	1		2016	Hư hỏng	hút áp lực yếu do không thực hiện kỹ thuật cắt đốt laser (đa hiệu)
4	Máy hút khói và bụi Model : EV-1000 Hàn Quốc	EV-1000 Hàn Quốc	1		2016	Hư hỏng	

5	Máy soi thực quản dạ dày	EG-290KP PENTAX-NHẬT BẢN	1		2010	Bình thường	
6	Máy đo SPO2		1		2021	Bình thường	
7	Kim sinh thiết dạ dày(dùng nhiều lần)_nguồn BV VP		1		2023	Bình thường	
8	Bàn mổ đa năng thủy lực		1		2015	Hư hỏng	
9	Giường y tế 2 tay quay hồng kỳ HK 9007 (PTSN)		5		2018	Bình thường	đề kho
10	Giường y tế		1		2016	Bình thường	
11	Giường y tế		1		2016	Bình thường	
12	Giường y tế		1		2016	Bình thường	
13	Giường y tế		1		2016	Bình thường	
14	Giường y tế		1		2016	Bình thường	
15	Giường y tế		1		2016	Bình thường	
16	Giường y tế		1		2016	Bình thường	
17	Giường y tế		1		2016	Bình thường	
18	Giường y tế 2 tay quay (Trung cao)		1		2015	Bình thường	
19	Giường y tế 2 tay quay (Trung cao)		1		2015	Bình thường	
20	Giường y tế 2 tay quay (Trung cao)		1		2015	Bình thường	
21	Giường y tế 2 tay quay (Trung cao)		1		2015	Bình thường	
22	Máy hút đàm nhớt		1		2015	Bình thường	
23	Máy hút dẫn lưu màng phổi kín		1		2021	máy hư	máy hút rất yếu đề kho
24	Máy hút dịch chảy liên tục		1		2010	Bình thường	hút yếu
25	Máy hút dịch chảy liên tục (sản chuyên qua)		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
26	Máy hút điện (Yhct chuyên sang)		1		2010	đang sử dụng	
27	Máy lạnh 1,5HP AQUA(phòng tiểu phẫu)		1		2017	Bình thường	
28	Máy tính để bàn gói 20 bộ		1		2018	đang sử dụng	
29	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		2		2019	đang sử dụng	
30	Máy truyền Infusomat P (NSNN) gói 200 giường		1		2019	khoa Nhi đang sử dụng	chuyển khoa Nhi năm 2024
31	Tủ locker 36 hộc		1		2017	đang sử dụng	
32	Xe đẩy Inox 01		1		2010	đang sử dụng	
33	Máy điện tim 6 kênh Fukada FX -7204 (NSNN) gói 200 giường		1		2019	Hư hỏng	Chờ thanh lý
34	Máy điện tim 6 kênh Fukada FX -7205 (NSNN) gói 200 giường		1		2019	hư hỏng	Chờ thanh lý
35	Máy đo Spo2 cầm tay (PTSN 2018		1		2019	hư hỏng	Chờ thanh lý chờ thanh lý sử dụng được

36	Máy lạnh Sharp AH-13ZEW 1.5 HP_ nguồn 5%KBGB		1		2023	đang hoạt động	
37	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_ NSNN Covid 19		1		2023	đang hoạt động	chuyển nhi
38	Máy lạnh 1.5 HP Panasonic NSNN Covid 19		1		2023	đang hoạt động	
Khoa: Nhi							
1	Giường cấp (NSNN)gói 200 giường		2		2019	tốt	
2	Giường y tế 2 tay quay hồng kỳ HK 9007 (PTSN)		3		2018	tốt	
3	Giường y tế lớn		1		2016	tốt	
4	Giường y tế lớn		1		2016	tốt	
5	Giường y tế lớn		1		2016	tốt	
6	Giường y tế lớn		1		2016	tốt	
7	Giường y tế lớn		1		2016	tốt	
8	Giường y tế lớn		1		2016	tốt	
9	Máy bơm tiêm điện		2		2021	Hư hỏng	Chờ thanh lý
10	Máy bơm tiêm điện(khoe chuyển 18/8/2014)		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
11	Máy bơm tiêm tự động		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
12	Máy đo nồng độ oxy trong máu SPO2		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
13	Máy hút điện		1		2010	Bình thường	chuyển PM
14	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000		1		2020	Tốt	
15	Máy truyền dịch tự động		1		2010	Bình thường	hư pin , PM Chuyển qua
16	Máy truyền dịch tự động (cúm)		1		2010	hư pin	
17	Tủ locker 36 hộc		1		2017	Hư hỏng	Chờ thanh lý
18	Máy tạo Oxy 2		5		2021	Hư hỏng	Chờ thanh lý
19	Máy truyền dịch tự động Braun		1		2010	hư pin	
20	Máy lạnh Sharp AH-13ZEW 1.5 HP_ nguồn 5%KBGB		1		2023	Bình thường	
21	Bảng ca y tế 2 chức năng. Model: 7518 (5 BỐ)		1		2024	Hư hỏng	
22	Máy xông khí dung siêu âm		1		2015	Hư hỏng	Chờ thanh lý
23	Bộ đặt nội khí quản		1	2021	2021	hư 01 bóng đèn	
24	Máy điện tim 6 kênh Fukada FX -7202 (NSNN) gói 200 giường	Fukada-FX-7202	1	2019	2019	mới thay dây cáp, sử dụng tạm, còn nhiều	
25	Máy đo độ bão hoà Oxy cầm tay(NSNN)gói 200 giường	4086196	1	2019	2019	chập chòn	
26	Máy đo SPO2 cầm tay (xuất 2022)		1	2021	2021	sen sor chập chòn	
27	Máy truyền dịch tự động	8712212- ĐỨC	1	2021	2021	hư pin	
28	Máy truyền Infusomat P (NSNN)gói 200 giường	TOP 2300	1	2019	2019	Bình thường	Khoa nội chuyển qua

29	Máy truyền Infusomat P (NSNN) gói 200 giường	TOP 2300	1	2019	2019	Bình thường	Khoa nội chuyên qua
Khoa: Sản							
1	Bàn khám phụ khoa (CC Dân số)		1		2008	Hư hỏng	Đã thanh lý
2	Bình nước nóng		1		2015	Bình thường	Đang sử dụng
3	Bộ đặt nội khí quản thường		1		2021	Bình thường	Đang sử dụng
4	Bộ dụng cụ khám sản khoa: -Cân trẻ em sơ sinh -Bàn sanh inox		3		2006	Hư hỏng	Đã thanh lý
5	Đầu dò monitor		1		2013	Hư hỏng	Đã thanh lý
6	Đầu dò monitor		1		2013	Hư hỏng	Đã thanh lý
7	Đầu dò tim thai		2		2016	Hư hỏng	Đã thanh lý
8	Đầu dò Toco (đo cơn gò)		2		2016	Hư hỏng	Đã thanh lý
9	Đèn chiếu vàng da		1		2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
10	Đèn chiếu vàng da XHZ - 90		1		2022	Hư hỏng	Đã thanh lý
11	Đèn mổ 4 bóng di động (Bình hoà)		1		2015	Hư hỏng	Đã thanh lý
12	Đèn mổ di động sy/lux Stand		1		2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
13	Doppler tim thai		1	2013	2013	Bình thường	
14	Doppler tim thai		1		2013	Hư hỏng	Đã thanh lý
15	Giường y tế 2 tay quay hồng kỳ HK 9007 (PTSN)		5		2018	Bình thường	
16	Giường y tế		10		2016	Bình thường	
17	Giường y tế 1 tay quay HK-9005 (CTNNH Hong kỳ tặng)		3		2015	Bình thường	
18	Hệ thống CPAP thở áp lực dương (PTSN 2018)	MedincNO	1	2019	2019	Bình thường	
19	Kính (đèn) soi cổ tử cung		1		2008	Hư hỏng	Đã thanh lý
20	Lồng áp trẻ sơ sinh Ohmeda	LA-003 -Mỹ	1	2010	2010	Bình thường	
21	Lồng áp trẻ sơ sinh Ohmeda	LA-003 -Mỹ	1	2010	2010	Bình thường	
22	Máy điện tim 6 kênh Fukada FX -7206 (NSNN) gói 200 giường		1		2019	Bình thường	Khoa Ngoại
23	Máy đo điện tim 3 cần		1		2021	Hư hỏng	Đã thanh lý
24	Máy đo nồng độ oxy trong máu SPO2 (Sản)		1		2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
25	Máy đo SPO2 cần tay		1		2021	Hư hỏng	Đã thanh lý
26	Máy đốt điện		1		2009	Bình thường	Có chưa sử dụng
27	Máy Doupler tim thai (PTSN 2018)	BT-2001-BEJA0005	1	2019	2019	Bình thường	
28	Máy hút dịch phẫu thuật và sản khoa		1	2021	2021	Bình thường	
29	Máy hút điều hòa kính nguyệt		1		2008	Hư hỏng	Đã thanh lý
30	Máy hút thai (phòng mổ 1)		1		2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
31	Máy hút thai (phòng mổ 1)		1		2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
32	Máy làm ấm trẻ sơ sinh (NSNN) gói 200 giường	IW932AEU	2	2019	2019	Bình thường	

33	Máy lạnh Sanyo 1,5HP AQUA		4	2017	Bình thường	
34	Máy lạnh Sanyo 2,0 HP AQUA		2	2017	Bình thường	
35	Máy lạnh 1,5hp Aqua (P khoa)		1	2018	Bình thường	
36	Máy đốt lạnh có từ cung (NSNN) gói 200 giờ	MGC-20	1	2019	Bình thường	
37	Máy nghe tim thai		1	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
38	Máy nghe tim thai 10		1	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
39	Máy nghe tim thai 10		1	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
40	Máy nghe tim thai dạng cầm tay		1	2017	Hư hỏng	Đã thanh lý
41	Máy nghe tim thai Model : Minidop ES - 100VX		1	2016	Hư hỏng	Đã thanh lý
42	Máy Quang trị liệu (đèn chiếu vàng da) MD : LU-6T hãng SX Medix		1	2013	Bình thường	
43	Máy Quang trị liệu (đèn chiếu vàng da) MD : LU-6T hãng SX Medix		1	2013	Hư hỏng	Đã thanh lý
44	Máy siêu âm điều trị Toshiba		1	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
45	Máy siêu âm Doppler màu (Bình Chuẩn)		1	2015	Bình thường	
46	Máy siêu âm trắng đen (Chi cục Dân số)		1	2008	Hư hỏng	Đã thanh lý
47	Máy Siêu âm trắng đen Toshiba Famio5 trạm Bình Hòa		1	2008	Hư hỏng	Đã thanh lý
48	Máy soi cổ tử cung leiseang		1	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
49	Máy soi cổ tử cung video kỹ thuật số + bộ máy vi tính		1	2014	Hư hỏng	Đã thanh lý
50	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		2	2019	Bình Thường	
51	Monitor Sản khoa + Xe đẩy (XDCB)		1	2015	Hư hỏng	Đã thanh lý
52	Monitor Sản khoa + Xe đẩy (XDCB)		1	2015	Hư hỏng	Đã thanh lý
53	Monitor theo dõi sản khoa		1	2008	Hư hỏng	Đã thanh lý
54	Monitor theo dõi song thai (MD: F9)		1	2013	Hư hỏng	Đã thanh lý
55	Monitor theo dõi song thai + xe đẩy (XDCB)		1	2015	Hư hỏng	Đã thanh lý
56	Thiết bị rửa tay phòng mổ		1	2010	Bình Thường	Đang sử dụng
57	Tủ locker 36 học		1	2017	Bình Thường	
58	Tủ sấy điện		1	2010	Bình Thường	Đang sử dụng
59	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)		1	2021	Bình Thường	
60	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)		1	2021	Bình Thường	
61	Máy nghe tim thai nguồn VP 5%KBGB		1	2024	Bình Thường	
62	Máy lạnh Sharp AH-13ZEW 1.5 HP_nguồn 5%KBGB		1	2023	Bình Thường	
63	Máy Monitor BT300	BT300	1	2016	Bình Thường	
64	Máy Monitor BT300	BT301	1	2016	Bình Thường	

65	Máy Monitor BT300		BT302	1	2016	2016	Bình Thường	
66	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSNN Covid 19			1		2023	Bình Thường	
67	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSNN Covid 19			1		2023	Bình Thường	
68	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSNN Covid 19			1		2023	Bình Thường	Có tại khoa
69	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			1		2015	Bình Thường	
70	Bộ dụng cụ tháo vòng tránh thai			1	2015	2015	Bình Thường	
71	Dèn mổ 1 bóng di động			1		2015	Bình Thường	Đang sử dụng
72	Monitor theo dõi sản khoa loại song thai + xe đẩy			1		2015	Bình Thường	Đang sử dụng
Khoa: Truyền Nhiễm								
1	Bộ đất nối khí quản thường			2		2021	1 bình thường, 1 bộ hư đèn	
2	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000			1		2020	Bình thường	
3	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000			1		2020	Bình thường	
4	Máy truyền Infusomat P (NSNN) gói 200 giường			1		2019	Bình thường	
5	Máy vi tinh 08(N)			1		2010	Bình thường	
6	Máy SPO2 cầm tay C30plus			1		2021	Hư hỏng	dây senso hư
7	Máy tạo Oxy 1			1		2021	Hư hỏng	dã chuyển về phòng VT-TBYT
8	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)			1		2021	Bình thường	
9	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)			1		2021	Bình thường	
10	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)			1		2021	Bình thường	
11	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)			1		2021	Bình thường	
12	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)			1		2021	Bình thường	
13	Máy bơm tiêm điện			1	2021	2021	hoạt động bt	
14	Máy bơm tiêm điện		B.Braun (Đức)	1	2010	2010	hư hỏng	giữ thanh lý
15	Máy điện tim			1	2010	2010	hoạt động bt	
16	Máy phá rung tần tạo nhịp		cardico	1	2021	2021	hoạt động bt	
17	Máy SPO2			1	2021	2021	hư hỏng	
18	Máy theo dõi NB 5 thông số			1	2021	2021	hoạt động bt	
19	Máy truyền dịch		B.Braun (Đức)	1	2021	2021	hoạt động bt	
20	Máy truyền dịch TD05		B.Braun (Đức)	1	2010	2010	hoạt động bt	
21	Máy Monitoring			1	2010	2010	hoạt động bt	
Khoa: Hồi sức tích cực - chống độc								

1	Giường y tế 1 tay quay HK-9005 (CTTNHH Hong ky tạng)		1	2018	2018	Hư hỏng	Đã chuyển phòng VT-TBYT thanh lý
2	Máy đo điện tim 1-2 kênh MD: Fukadadershi FX-7000		1		2013	Hư hỏng	Đã chuyển phòng VT-TBYT thanh lý
3	Máy hút đàm nhớt chạy liên tục (kho)		1		2010	Đang hoạt động bình thường	
4	Máy lạnh Panasonic		1		2014	Đang hoạt động bình thường	
5	Máy lạnh sanyo sap KC 1226ES		1		2016	Hư hỏng	Đã chuyển về kho của phòng TCHC thanh lý
6	Máy lạnh sanyo sap KC 1226ES		1		2016	Hư hỏng	Đã chuyển về kho của phòng TCHC thanh lý
7	Máy lạnh sanyo sap KC 1226ES		1		2016	Đang hoạt động bình thường	
8	Máy thở xách tay kèm van oxy log VE Peep 300 (SN: ASNC-0107)		1		2021	Đang hoạt động bình thường	
9	Máy thở (kho chuyển 2019)		1		2010	Đang hoạt động bình thường	
10	Máy thở dùng cho TE và sơ sinh (bến cát)		1		2013	Hư hỏng	Đã chuyển phòng VT-TBYT thanh lý
11	Máy thở không xâm nhập		1		2021	Hư hỏng	Đã chuyển phòng VT-TBYT thanh lý
12	Máy tính để bàn(gói 20 bộ)		1		2018	Đang hoạt động bình thường	
13	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		1		2019	Đang hoạt động bình thường	
14	Máy truyền dịch		1		2021	Đang hoạt động bình thường	
15	Máy truyền dịch tự động TOP 2300		1		2021	Đang hoạt động bình thường	
16	Monitor 08		1		2009	Hư hỏng	Đã chuyển phòng VT-TBYT thanh lý
17	Máy lạnh treo tường 1HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Đang hoạt động bình thường	
18	Máy lạnh treo tường 1,5HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Đang hoạt động bình thường	
19	Máy lạnh treo tường 2HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Đang hoạt động bình thường	
20	Giường điện B-841		1		2024	Đang hoạt động bình thường	
21	Bảng ca y tế 2 chức năng. Model: 7518 (5 BỎ)		1		2024	Đang hoạt động bình thường	
22	Giường y tế điều khiển điện 9407		1		2024	Đang hoạt động bình thường	
23	Máy hút âm 35 lít/ngày		1		2015	Đang hoạt động bình thường	
24	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSN Covid 19		1		2023	Đang hoạt động bình thường	

25	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSNN Covid 19		1		2023	Đang hoạt động bình thường
26	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSNN Covid 19		1		2023	Đang hoạt động bình thường
27	Máy lạnh Daikin 2HP Quý PTHDSN BV		1		2025	Đang hoạt động bình thường
28	Máy lạnh Daikin 2HP Quý PTHDSN BV		1		2025	Đang hoạt động bình thường
29	Máy bơm tiêm điện		1	2010	2010	Đang hoạt động bình thường
30	Máy bơm tiêm điện		1	2010	2010	Đang hoạt động bình thường
31	Máy bơm tiêm điện		1	2010	2010	Đang hoạt động bình thường
32	Máy bơm tiêm điện (Seri: SK 10800538)		1	2021	2021	Đang hoạt động bình thường
33	Hệ thống RO công suất 800lít/h (kết dư 2015)	Việt Nam	1	2018	2018	Đang hoạt động bình thường
34	Bơm tiêm tự động (PTSN) 2018	B. Braun (Đức)	1	2019	2019	Đang hoạt động bình thường
35	Máy bơm tiêm điện (Seri: SK 10800538)		1	2021	2021	Đang hoạt động bình thường
36	Máy chạy thận nhân tạo (kết dư 2015)	7SXAUZ07	1	2018	2018	Đang hoạt động bình thường
37	Máy điện tim 3 kênh KENZ CARDICO 305	KENZ CARDICO 306 Nhật bản	1	2021	2021	Đang hoạt động bình thường
38	Máy đo SPO2 cầm tay		1	2021	2021	Đang hoạt động bình thường
39	Máy lọc máu liên tục OMNI	7107505	1	2021	2021	Đang hoạt động bình thường
40	Máy lọc và khử khuẩn không khí		1	2021	2021	Đang hoạt động bình thường
41	Máy rửa màng lọc thân bán tự động (kết dư 2015)	Việt Nam	1	2018	2018	Đang hoạt động bình thường
42	Máy rửa quả lọc tự động (kết dư 2017)	DCS-Plus	1	2019	2019	Đang hoạt động bình thường
43	Máy siêu âm chuẩn đoán trắng đen xách tay ToShiBa (Vĩnh phú chuyển về)	X0078258	1	2008	2008	Đang hoạt động bình thường
44	Máy theo dõi BN 5 thông số Intelli Vue MX 430 (kết dư 2015)	Đức	1	2018	2018	Đang hoạt động bình thường
45	Máy thở chức năng cao	Đức	1	2021	2021	Đang hoạt động bình thường
46	Máy thở chức năng cao (khoa nhiễm)	Đức	1	2021	2021	Đang hoạt động bình thường
47	Máy truyền dịch Infusomat P_NSNN gói 200 giường	Infusomat P	1	2019	2019	Đang hoạt động bình thường
48	Máy truyền dịch Infusomat P_NSNN gói 200 giường	Infusomat P	1	2019	2019	Đang hoạt động bình thường
49	Máy truyền dịch tự động		1	2010	2010	Đang hoạt động bình thường
50	Monitoring theo dõi bệnh nhân CC	A16083100528	1	2010	2010	Đang hoạt động bình thường
51	Máy hút điện		1	2010	2010	Đang hoạt động bình thường
52	Máy hút thai (Hút nhót)		1	2015	2015	Đang hoạt động bình thường
Khoa: cấp Cứu						
1	Giường điện y tế		5	2016	2016	cải hoạt động bình thường (02 cái Chuyển kho vật tư thanh lý

2	Giường Hồng Kỳ cấp (NSNN)gói 200 giường		7	2019	2019	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
3	Giường y tế 2 tay quay hồng kỳ HK 9007 (PTSN)		5	2018	2018	Hoạt động bình thường	Tại khoa
4	Giường y tế		1	2016	2016	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
5	Hệ thống Oxy tường		1		2008	Hoạt động bình thường	Tại khoa
6	Máy điện tim 3 kênh KENZ CARDICO 306		1		2018	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
7	Máy đo SPO2 (xuất 2021)		2		2021	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
8	Máy đo SPO2 cầm tay(3 xuất 2021 01 xuất 2022)		4		2021	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
9	Máy giúp thở xách tay (PTSN)2018		1		2019	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
10	Máy hút dịch đàm nhớt		1		2010	Hoạt động bình thường	Tại khoa
11	Máy lạnh 1,5hp Aqua (5%)		1		2020	Hư hỏng	Chuyển kho An phú thanh lý
12	Máy lạnh sanyo KC 1226ES		3		2016	Hư hỏng	Chuyển kho An phú thanh lý
13	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		2		2019	Hoạt động bình thường	Tại khoa
14	Máy tính HP 2800 + tích điện		1		2017	Hư hỏng	Chuyển kho An phú thanh lý
15	Máy vi tính LCD ASUS VZ239HR_Phong Vũ cho tăng		1		2023	Hư hỏng	Chuyển kho An phú thanh lý
16	Máy vi tính CC 01		1		2010	Hoạt động bình thường	Tại khoa
17	Máy vi tính CC 02		1		2010	Hoạt động bình thường	Tại khoa
18	Monitoring theo dõi bệnh nhân CC		1		2010	Hoạt động bình thường	Tại khoa
19	Bàn nắn xương bó bột PTSN		1		2012	Hoạt động bình thường	Phòng tiểu phẫu bó bột/ khoa Ngoại
20	Đèn mổ 1 bóng di động (An Thanh 118,200,000 chuyên khoa cấp cứu TT)		1		2013	Hoạt động bình thường	Phòng tiểu phẫu bó bột/ khoa Ngoại
21	Giường Hồng Kỳ cấp (NSNN)gói 200 giường		3		2019	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
22	Máy bơm tiêm điện		1		2010	Hoạt động bình thường	Tại khoa
23	Máy bơm tiêm điện		1		2010	Hoạt động bình thường	Tại khoa
24	Máy cưa bột		1		2010	Bình thường	Phòng tiểu phẫu bó bột/ khoa Ngoại

25	Máy cưa bột- PTSN		1		2012	Bình thường	Phòng tiêu phẫu bó bột/ Khoa Ngoại
26	Máy đo đông máu		1		2008	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
27	Máy đo SPO2 cầm tay		2		2021	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
28	Máy đo Spo2 cầm tay (PTSN 2018		1		2019	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
29	Máy giúp thở cao cấp (cùn A)		1		2011	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
30	Máy hút điện		1		2010	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
31	Máy phá dung & tạo nhịp tim		1		2010	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
32	Máy siêu âm đen trắng		1		2012	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
33	Máy thở không xâm nhập		2		2021	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
34	Máy thở xách tay kèm van peep, 2 bộ dây		1		2021	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
35	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000		1		2020	Hoạt động bình thường	Tại khoa
36	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000		1		2020	Hoạt động bình thường	Tại khoa
37	Máy truyền dịch tự động		1		2010	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
38	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)		1		2021	Hoạt động bình thường	Tại khoa
39	Máy lạnh treo tường 1,5HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Hoạt động bình thường	Tại khoa
40	Máy lạnh treo tường 1,5HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Hoạt động bình thường	Tại khoa
41	Máy lạnh treo tường 2,5HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Hoạt động bình thường	Tại khoa
42	Bảng ca y tế 2 chức năng. Model: 7518 (5 BỎ)		1		2024	Hoạt động bình thường	Tại khoa
43	Bảng ca y tế 2 chức năng. Model: 7518 (5 BỎ)		1		2024	Hoạt động bình thường	Tại khoa
44	Giường hồi sức điều khiển điện. HK-9018		1		2024	Hoạt động bình thường	Tại khoa
45	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSN Covid 19		1		2023	Hoạt động bình thường	Tại khoa

46	Máy điện tim ba cân (Model ECG-3150)_ Quý PTHĐSN BV		1		2025	Hoạt động bình thường	Tại khoa
47	Máy bơm tiêm điện		1	2019	2019	Hoạt động bình thường	Tại khoa
48	Máy đo độ bão hoà Oxy cầm tay(NSNN) gói 200 giường	Mỹ	1	2021	2021	Hoạt động bình thường	Tại khoa
49	Máy điện tim 3 kênh	KENZ CARDICO 306	1	2021	2021	Hoạt động bình thường	Tại khoa
50	Máy thở chức năng cao van đứng	Drager Savina	1	2021	2021	Hoạt động bình thường	Tại khoa
51	Máy truyền dịch	Infusomat P 124856 Braun	1	2019	2019	Hoạt động bình thường	Tại khoa
52	Máy truyền dịch Infusomat P (PTSN)2018	Top-5300	1	2008	2008	Hoạt động bình thường	Tại khoa
53	Máy xóc tim Cardioffe	Cardioffe	1	2019	2019	Hoạt động bình thường	Tại khoa
54	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số gói 200 giường	NihonKohden-BSM-3562	1	2016	2016	Hoạt động bình thường	Tại khoa
55	Monitor theo dõi bệnh nhân		1	2019	2019	Hoạt động bình thường	Tại khoa
56	Monitor theo dõi BN 5 thông số (NSNN)gói 200 giường	NihonKohden BSM-3562	1	2019	2019	Hoạt động bình thường	Tại khoa
57	Monitor theo dõi BN 5 thông số (NSNN)gói 200 giường	NihonKohden BSM-3562	1	2019	2019	Hoạt động bình thường	Tại khoa
58	Monitor theo dõi BN 5 thông số (NSNN)gói 200 giường	NihonKohden BSM-3562	1	2010	2010	Hoạt động bình thường	Tại khoa
59	Máy truyền dịch tự động	B.Braun (Đức)	1	2010	2010	Hư hỏng	Chuyển kho vật tư thanh lý
60	Máy truyền dịch tự động	B.Braun (Đức)	1	2015	2025	Hoạt động bình thường	Tại khoa
61	Máy hút thai Inox (Hút nhốt)		1	2015	2025	Hoạt động bình thường	Tại khoa
62	Máy hút thai (Máy hút nhốt)		1			Hoạt động bình thường	Tại khoa
Khoa: YHCT							
1	Giường vật lý trị liệu		1		2016	Hoạt động bình thường	
2	Giường vật lý trị liệu		1		2016	Hoạt động bình thường	
3	Giường y tế 2 tay quay hồng kỳ HK 9007 (PTSN)		5		2018	Hoạt động bình thường	
4	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000		1		2020	Hoạt động bình thường	
5	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000		1		2020	Hoạt động bình thường	
6	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		2		2019	Hoạt động bình thường	
7	Thiết bị quang châm (10 đầu châm)		1		2008	Hoạt động bình thường	
8	Thiết bị quang trị liệu		1		2008	Hoạt động bình thường	
9	Thùng Parafin (NSNN)gói 200 giường		1		2019	Hư hỏng	Chờ sửa chữa

10	Máy tính Main h81		1		2015	Hư hỏng	Chờ thanh lý
11	Máy trị liệu OT-224		1		2008	Đang sử dụng	
12	Máy trị liệu OT-224		1		2008	Đang sử dụng	
13	Máy lạnh 1.5 HP có Inverter Panasonic_NSNN Covid 19		1		2023	Hoạt động bình thường	
14	Máy laser quang châm 10 đầu châm Model M302A		1	2016	2016	Hư dây, không sử dụng	
15	Máy siêu âm giảm đau laser	BTL-5800	1	2016	2016	Hoạt động bình thường	
16	Thùng Parafin (NSNN) gói 200 giường	PT-18-S-V-INT	1	2019	2019	Hư hỏng, không sử dụng	
17	Máy Laser (10 đầu châm)/ Quang trị liệu	DH Bách Khoa	1	2008	2008	Hư dây, không sử dụng	
18	Máy Laser (10 đầu châm)/ Quang trị liệu	DH Bách Khoa	1	2008	2008	Hư dây, không sử dụng	
19	Giường kéo cột sống tự động		1	2015	2015	Hoạt động bình thường	
20	Hệ thống kéo giãn cột sống cổ, ngực, lưng (NSNN) gói 200 giường	TM-400	1	2019	2019	Hoạt động bình thường	
Khoa: KSNK							
1	Bộ phân đo ETCO2 (thổi hơi)		1		2013	Bình thường	
2	Máy khử khuẩn Plasma tự động nhiệt độ thấp (NSNN) gói 200 giường		1		2019	Hư hỏng	Chờ sửa chữa
3	Máy giặt công nghiệp 35 kg		1		2021	Bình thường	
4	Máy giặt vắt công nghiệp FA35 TE(ptsn)		1		2018	Bình thường	
5	Máy giặt vắt công nghiệp IA 332		1		2020	Bình thường	
6	Máy lạnh Panasonic		1		2014	Bình thường	
7	Máy rửa tự động đa kết hợp khử khuẩn bậc cao (NSNN) gói 200 giường		1		2019	Hư hỏng	Chờ sửa chữa
8	Máy sấy 2 cửa khử khuẩn UAV tự động nhiệt độ thấp (NSNN) gói 200 giường		1		2019	Hư hỏng	Chờ sửa chữa
9	Máy sấy đồ vải công nghiệp 32 kg		1		2021	Bình thường	
9	Máy sấy đồ vải công nghiệp 32 kg		1		2009	Bình thường	
10	Máy sấy quần áo		1		2009	Bình thường	
11	Máy sấy quần áo		1		2020	Bình thường	
12	Nồi hấp tiệt trùng 350 lít (PTSN 2019)		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
13	Máy giặt 30 kg		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
14	Máy giặt vắt công nghiệp		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
15	Máy giặt vắt công nghiệp		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
16	Máy là quần áo		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
17	Máy rửa diệt khuẩn (cúm A)		1		2004	Hư hỏng	Chờ thanh lý
18	Nồi áp lực 196 lít		1		2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
19	Máy giặt LG		1		2021	Hư hỏng	Chờ sửa chữa
20	Tủ sấy điện tử		1		2009	Hư hỏng	Chờ sửa chữa

21	Nồi hấp tiết trùng 75 lít		1	2015	Bình thường	
22	Xô đựng dung dịch ngâm dụng cụ		1	2015	Bình thường	
23	Xô đựng dung dịch ngâm dụng cụ		1	2015	Bình thường	
Khoa: Xét nghiệm						
1	Bộ máy xét nghiệm lao và kháng lao gồm máy Gene Xpert, điều hoà nhiệt độ Fujitsu, Lưu điện, Bộ kit Nguồn(UTC)		1	2018	Bình thường	Máy của cục phòng chống lao
2	Bồn rửa mắt		1	2016	Bình thường	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
3	Đèn test thấu kính		1	2004	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
4	HCT (02) - Máy HCT (02)		1	2004	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
5	Hốt vô trùng		1	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
6	Kính hiển vi (95)		1	2004	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
7	Kính hiển vi (98)		1	2004	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
8	Kính hiển vi 2 mắt		1	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
9	Kính hiển vi 2 mắt		1	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
10	Kính hiển vi 2 mắt		1	2010	Vật kính mờ, còn sử dụng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
11	Máy đếm khuẩn lạc		1	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
12	Máy điện di ngang (bén cát)		1	2013	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
13	Máy điều hoà		1	2014	Bình thường	
14	Máy đo PH (Cúm a) Khí máu động mạch		1	2011	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
15	Máy huyết học		1	2004	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
16	Máy khí máu động mạch		1	2021	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
17	Máy lạnh Sanyo 2,0 HP AQUA		1	2017	Bình thường	
18	Máy lạnh 1,5hp Aqua		2	2018	Bình thường	
19	Máy li tâm nước tiểu		1	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý

20	Máy ly tâm (cúm)		1	2011	2011	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
21	Máy phân tích huyết học tự động 26 thông số		1	2010	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
22	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số		1	2010	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
23	Máy phân tích sinh hoá tự động		1	2010	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
24	Máy phân tích sinh hoá tự động hoàn toàn gói 200 giường		1	2019	2019	Hư hỏng	
25	Máy rửa dụng cụ bằng siêu âm		1	2010	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
26	Máy sinh hoá Sar 450 tes/h (CÚM)		1	2011	2011	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
27	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000		1	2020	2020	Đang sử dụng	
28	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		2	2019	2019	Đang sử dụng	
29	Máy xét nghiệm sinh hóa (Photomoter 5010)SR 8315		1	2014	2014	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
30	Máy XN điện giải tự động (cúm A)		1	2011	2011	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
31	Máy XN miễn dịch tự động ADVIACENTAUR CP		1	2010	2010	Hư hỏng	
32	Nồi hấp áp lực 72 lít (n khuôn)		1	2010	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
33	Nồi hấp tiết trùng 75lít		1	2015	2015	Bình thường	
34	Phần mềm QLXN-PTSN		1	2012	2012	Hết hạn đã thanh lý	
35	Tủ âm 30-70 độ c		1	2010	2010	Hư	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
36	Tủ âm 30-70 độ c		1	2010	2010	Hư	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
37	Tủ hút hơi khí độc		1	2010	2010	Hư	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
38	Tủ lạnh + âm 3-50 độ c 64lít		1	2010	2010	Đang sử dụng	
39	Tủ lạnh trữ máu		1	2010	2010	Hư hỏng	
40	Tủ lạnh trữ máu		1	2010	2010	Hư hỏng	
41	Tủ nuôi cấy vi sinh (hốt vô trùng)		1	2010	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý

42	Tủ sấy điện			1	2010	2010	Hư hỏng	Chuyên phòng TTB chờ thanh lý
43	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)			1	2021	2021	Bình thường	
44	Máy li tâm 8 ống			1	2015	2015	Bình thường	
45	Máy li tâm đa năng			1	2015	2015	Hư hỏng	
46	Máy ly tâm đa năng			1	2015	2015	Bình thường	
47	Máy xét nghiệm lao, lao kháng thuốc(Gen Xpert 110002379 QTC)		110002379 QTC	1	2022	2022	Bình thường	Máy của cục phòng chống lao
48	Máy huyết học tự động Unicel DxH690T		DxH690T	1	2024	2025	Bình thường	Máy do công ty trúng thầu hóa chất đặt
49	Máy huyết học tự động Unicel DxH690T		DxH690T	1	2025	03/2025	Bình thường	Máy do công ty trúng thầu hóa chất đặt
50	Máy miễn dịch LUMPULSE G1200		LUMPULSE G1200	1	2024	2025	Bình thường	Máy do công ty trúng thầu hóa chất đặt
51	Máy phân tích điện giải H900		H900	1	2024	2025	Bình thường	Máy do công ty trúng thầu hóa chất đặt
52	Máy đo đông máu tự động SOLEA 100		SOLEA 100	1	2024	2025	Bình thường	Máy do công ty trúng thầu hóa chất đặt
53	Máy sinh hóa tự động IBC 900		IBC 900	1	2024	2025	Bình thường	Máy do công ty trúng thầu hóa chất đặt
54	Máy xét nghiệm phân tích HbA1c tự động HA-1200		HA-1200	1	2024	2025	Bình thường	Máy do công ty trúng thầu hóa chất đặt
55	Máy sinh hóa tự động BT4500		BT4500	1	2025	10/2025	Bình thường	Máy do công ty trúng thầu hóa chất đặt
56	KHÍ MÁU OPTI – CCA-CS			1	2021	2021	Hư	Bảo phòng vật tư chờ sửa chữa
57	Tủ âm vi sinh MD: IN55 sản xuất : 2013			1	2013	2013	Bình thường	
58	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (PTSN 2018)			1	2019	2019	Đang sử dụng	
59	Kính hiển vi sinh học đầu quan sát 2 cực			1	2015	2015	Đang sử dụng	
Phòng ban: PHÒNG TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH								
1	Amyl Hanco 816 D			1		2016	Hư hỏng	
2	Bộ bàn hợp 20 ghế			1		2022	Bình thường	
3	Bộ bơm nước thải			1		2015	Hư hỏng	
4	Đầu lò đốt rác - PTSN			1		2012	Hư hỏng	
5	Giếng công nghiệp			1		2012	Bình thường	
6	Hệ thống Camera đo thân nhiệt cầm tay có hình ảnh			2		2021	Hư hỏng	
7	Hệ thống Camera đo thân nhiệt tự động			1		2021	Hư hỏng	

8	Hệ thống Camera quan sát		1		2014	Hư hỏng	
9	Lò đốt rác (hệ thông van)		1		2014	Hư hỏng	
10	Máy lạnh Aqua 2.0ph quý 5%		1		2020	Bình thường	
11	Máy lạnh Aqua 2.0ph quý 5%		1		2020	Bình thường	
12	Máy lạnh LG (Dân số)		1		2005	Hư hỏng	
13	Máy lạnh LG (Dân số)		1		2005	Hư hỏng	
14	Máy lạnh LG (Dân số)		1		2005	Hư hỏng	
15	Máy lạnh LG (Dân số)		1		2005	Hư hỏng	
16	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)		1		2021	Bình thường	
17	Máy phát điện dự phòng NSNN gói 200 giường		1		2019	Bình thường	
18	Máy photocopy		1		2018	Hư hỏng	
19	Máy phun STIHL		2		2021	Hư hỏng	
20	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000		14		2020	Bình thường	
21	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000 (tr)		1		2020	Bình thường	
22	Máy vi tính laptop PGD điều chuyển hải		1		2010	Hư hỏng	
23	Ông khối lò đốt rác Inox -PTSN		1		2012	Hư hỏng	
24	Súng bắn đạn cao su, hơi cay		1		2018	Hư hỏng	
25	Thanh chắn công		1		2014	Hư hỏng	
26	Thiết bị phòng cháy chữa cháy (máy bơm+ co+ va+lup đ76		1		2017	Hư hỏng	
27	Tủ bảo quản từ thi 2 ngăn (NSNN gói 200 giường		1		2019	Bình thường	
28	Tủ điện điều khiển		1		2014	Hư hỏng	
29	1-Xe cứu thương HYUNDAI (61A-00510)		1		2018	Bình thường	
30	2-Xe cứu thương HYUNDAI (61A-00744)		1		2021	Bình thường	
31	3-Xe cứu thương HYUNDAI (61A-00745)		1		2021	Bình thường	
32	4-Xe cứu thương FORD (61A-00746)		1		2021	Bình thường	
33	5-Xe cứu thương HYUNDAI (61B-03324)		1		2021	Bình thường	
34	7-Xe cứu thương HYUNDAI (61F-1186)		1		2007	C6 QĐ Thanh Lý	
35	8-Xe cứu thương HYUNDAI (61F-1240)		1		2010	Hư hỏng	
36	10-Xe cứu thương HYUNDAI (61M-00029)		1		2010	Bình thường	
37	Bảng điện từ chạy chữ		1		2017	Hư hỏng	
38	Bom định lượng		1		2014	Hư hỏng	
39	Bom định lượng hóa chất 06125p		1		2014	Hư hỏng	
40	Đồng hồ đo lưu lượng 75ng GMK 40		1		2014	Hư hỏng	
41	Hộp đèn bảng hướng dẫn		1		2012	Hư hỏng	
42	Máy chiếu Panasonic lan 6		1		2016	Hư hỏng	

43	Máy chiếu Panasonic Jan 6		1		2016	Hư hỏng
44	Máy photocopy Kyoceramita 2020 YTCC chuyển về		1		2005	Hư hỏng
45	Quạt ly tâm công suất model : ATS-QLT		1		2014	Hư hỏng
46	Máy lạnh Sharp AH-13ZEW 1.5 HP _nguồn 5%KBGB		1		2023	Bình thường
47	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic _NSNN Covid 19		1		2023	Bình thường
48	Máy in thẻ Zebra ZC300:Single-sided _Quỹ PTHĐSN BV		1		2025	Bình thường
49	Máy lạnh 1.5 HP có Inverter Panasonic _NSNN Covid 19		1		2023	Bình thường
50	Máy lạnh 1.5 HP có Inverter Panasonic _NSNN Covid 19		1		2023	Bình thường
51	Máy lạnh 1.5 HP có Inverter Panasonic _NSNN Covid 19		1		2023	Bình thường
Phòng ban: PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN						
1	Máy vi tính để bàn kt 6		1		2010	Bình thường
2	Máy vi tính để bàn (kt)08		1		2010	Bình thường
3	Máy tính Main h81		1		2015	Bình thường
4	Máy tính HP 2800 + tích điện		3		2017	Bình thường
5	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		4		2019	Bình thường
6	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000		1		2020	Bình thường
7	Máy vi tính LCD ASUS VZ239HR _Phong Vũ cho tăng		1		2023	Bình thường
8	Máy lạnh Sharp AH-13ZEW 1.5 HP _nguồn 5%KBGB		1		2023	Bình thường
9	Máy lạnh 1,5hp Aqua (5%)		1		2020	Bình thường
10	Máy lạnh Aqua 2,0ph quỹ 5%		1		2020	Bình thường
11	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic _NSNN Covid 19		1		2023	Bình thường
Phòng ban: KHN						
1	Máy vi tính sever		1		2010	Hư hỏng
2	Hệ thống Camera quan sát		1		2018	Hư hỏng
3	Hệ thống máy tính mạng,máy chủ		1		2010	Hư hỏng
4	Hệ thống tăng A-Hệ thống tăng âm,loa các khoa		1		2010	Hư hỏng

[illegible]

1	Máy vi tính (D)		1		2009	Bình thường	
2	Máy vi tính (D) 01		1		2010	Bình thường	
3	Phần mềm BHYT		1		2010	Bình thường	
4	Máy tính Main h81		1		2015	Bình thường	
5	Máy tính Main h81		1		2015	Bình thường	
6	Máy tính HP 2800 + tích điện		1		2017	Bình thường	
7	Máy lạnh 1.5hp Aqua hành chính		1		2018	Bình thường	
8	Máy tính để bàn(khách) gói 20 bộ		1		2018	Bình thường	
9	Máy lạnh phòng thu		1		2013	Bình thường	
10	Tủ Trữ vaccin Delta 732		1		2014	Bình thường	
11	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		2		2019	Bình thường	
12	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)		1		2021	Bình thường	
13	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)		1		2021	Bình thường	
14	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)		1		2021	Bình thường	
15	Máy lạnh treo tường 1HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
16	Máy lạnh treo tường 1HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
17	Máy lạnh treo tường 2HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
18	Máy lạnh treo tường 2HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
19	Máy lạnh treo tường 2HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
20	Máy lạnh treo tường 2HP + giàn nóng hiệu Reetech Nguồn ngân sách Trung ương		1		2024	Bình thường	
21	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSNN Covid		1		2023	Bình thường	
22	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSNN Covid		1		2023	Bình thường	
Liên: Chuyên Khoa							
1	Bàn khám và ghế điều trị tai mũi họng		1	2013	2013	Hư hỏng	Đã thanh lý
2	Bộ dụng cụ cắt Amydal		1	2013	2013	hư hỏng	
3	Bộ phẫu thuật mắt		1	2010	2010	Hư hỏng	đã thanh lý
4	Bộ soi bóng đồng từ đo khúc xạ		1	2010	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
5	Đèn khám ngu quan An Thanh		1	2013	2013	Hư hỏng	Đã thanh lý
6	Đèn treo khám ngu quan		1	2015	2015	Hư hỏng	Đã thanh lý

7	Đèn treo khám ngũ quan Ricler-55 (An thành)			1	2013	2013	Hư hỏng	Đã thanh lý
8	Chế khám TMI & điều trị			1	2010	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
9	Kềm gặm STAMMBERGER			1	2014	2014	Bình Thường	
10	Kềm mũi xoang HEUWIESER			1	2014	2014	Bình thường	
11	Kéo phẫu thuật mũi xoang RHINOFORCE			1	2014	2014	Bình thường	
12	Kim cò dài hàm hình chén KUHNBOLGER			1	2014	2014	Bình thường	
13	Kim mũi xoang thẳng dài 13cm			1	2013	2013	Bình thường	
14	Kim mũi xoang dài 10cm			1	2013	2013	Bình thường	
15	Kim mũi xoang dài 10cm			1	2013	2013	Bình thường	
16	Kim mũi xoang dài 13cm cỡ 1 45 độ			1	2013	2013	Bình thường	
17	Kim mũi xoang gấp góc			1	2013	2013	Bình thường	
18	Kim mũi xoang thẳng dài 13cm			1	2013	2013	Bình thường	
19	Máy cấp khí dung (KB)			1	2007	2007	Hư hỏng	Đã thanh lý
20	Máy đo thính lực			1	2010	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
21	Máy hút dịch 1			1	2010	2010	Hư hỏng	
22	Máy hút dịch điện (kho ngày 10/07/2015)			1	2010	2010	Hư hỏng	
23	Máy hút điện kho cấp 2016			1	2010	2010	Hư hỏng	
24	Máy lạnh Sanyo 2,0 HP AQUA			1	2017	2017	Hư hỏng	hiệu RETECH
25	Máy lạnh 1,5hp Aqua phòng răng			1	2018	2018	Hư hỏng	
26	Máy lạnh khoa mắt			1	2013	2013	Hư hỏng	
27	Máy lấy cao răng			1	2010	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
28	Máy soi xoang mũi			1	2010	2010	Hư hỏng	Đã thanh lý
29	Máy tính đẻ bàn (Vân) gói 20 bộ			1	2018	2018	bình thường	
30	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%			1	2019	2019	bình thường	
31	Máy tính HP 2800 + tích điện			1	2017	2017	Hư hỏng	đã thanh lý
32	Ông soi không độ 4mm			1	2014	2014	Hư hỏng	Đã thanh lý
33	Ông soi không độ 4mm			1	2014	2014	Hư hỏng	Đã thanh lý
34	Ông soi quang học góc số O độ HOPKINS			1	2014	2014	bình thường	
35	Máy lạnh Toshiba 2.0 hp (5% KBGB)			1	2021	2021	bình thường	
36	Máy lạnh Sharp AH-13ZEW 1.5 HP nguồn 5%KBGB			1	2023	2023	bình thường	
37	Dao cắt đốt Amydal			1	2015	2015	hư hỏng	TYTBình Chuẩn chuyển về
38	Ghế khám và điều trị răng			1	2015	2015	hư hỏng	TYTBình Chuẩn chuyển về
39	Nồi hấp sấy áp lực 24 lít (áp)			1	2016	2016	Hư hỏng	TYTBình Chuẩn chuyển về

40	Bộ đo nhân áp Gói 200 giường		1	2019	2019	bình thường	Chờ thanh lý
41	Bộ kính thử kèm theo gong		1	2010	2010	Hư hỏng	Chờ thanh lý
42	Bộ nội soi tai mũi họng		1	2013	2013	Hư hỏng	
43	Bộ nội soi treo vi phẫu thanh quản PTSN 2018		1	2019	2019	hư hỏng	chờ thanh lý
44	Bộ soi bóng đồng tử (Gói 200 giường)	Riester Heine (Beta 200)	1	2019	2019	hư hỏng	
45	Bộ soi bóng đồng tử (T.giao chuyên về)	Mionark-mY	1	2015	2015	hư hỏng	
46	Ghế khám RHM & điều trị	DCI	1	2010	2010	hư hỏng	
47	Kính hiển vi khám mắt 20% BHYT 2017	SL-2R	1	2019	2019	bình thường	
48	Máy cao với răng PTSN2018	Power Max 25-Mỹ	1	2019	2019	hư hỏng	
49	Máy đo khúc xạ tự động	Accuref R-800	1	2013	2013	bình thường	
50	Máy đo tròn kính tự động Gói 200 giường	AL200	1	2019	2019	bình thường	
51	Nồi hấp ướt 16 lít (CC Dân số)		1	2008	2008	hư hỏng	
52	Ghế khám và điều trị răng	574255	1	2013	2013	hư hỏng	
53	Máy cao với siêu âm nguồn VP 5%KBCB	BM25 TPC Mỹ	1	2024	2024	bình thường	
54	Bộ dụng cụ khám điều trị TMH		1	2015	2015	hư hỏng	
55	Ghế khám và điều trị răng		1	2015	2015	Hư hỏng	GHẾ MÁY NHÀ ĐÀ THANH LÝ
56	Bộ kèm nhỏ răng người lớn, trẻ em các loại		1	2015	2025	bình thường	
57	Bộ kèm nhỏ răng người lớn, trẻ em các loại		1	2015	2025	bình thường	
58	Bộ kèm nhỏ răng người lớn, trẻ em các loại		1	2015	2025	bình thường	
59	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt		1	2015	2025	hư hỏng	nhận từ pk.BÌNH CHUẨN
60	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt		1	2015	2025	hư hỏng	nhận từ pk.BÌNH CHUẨN
KhoahọcBệnh							
1	Bộ máy đo chức năng hô hấp(tải trợ)		1		2019	đang sử dụng	
2	Hệ thống bốc số tự động (11 khoản bảng hiển thị quay, bàn điều khiển,hộp điều khiển,máy in nhiệt, bàn điều khiển cấp phiếu,phần mềm máy vi tính, loa,cáp,màn hình)		1		2017	hư hỏng	đã bàn giao phòng KHNV thanh lý
3	Hệ thống bốc số tự động (11 khoản bảng hiển thị quay, bàn điều khiển,hộp điều khiển,máy in nhiệt, bàn điều khiển cấp phiếu,phần mềm máy vi tính, loa,cáp,màn hình) (được chuyển qua)		1		2017	hư hỏng	đã bàn giao phòng KHNV thanh lý
4	Hệ thống lấy số tự động		1		2010	hư hỏng	đã bàn giao phòng KHNV thanh lý
5	Máy hô hấp ký Model HL-801 Chest/Nhật(nguồn điều khiển từ TT PC B Xã Hôi)		1		2010	hư hỏng	đã bàn giao phòng VITYT thanh lý
6	Máy lạnh Sanyo 1.5HP AQUA		1		2016	đang sử dụng	
7	Máy lạnh Sanyo 2,0 HP AQUA		5		2017	đang sử dụng	

8	Máy lạnh Sanyo 2,0 HP AQUA (tồn kho chưa phân bổ)		3		2017	đang sử dụng	
9	Máy lạnh 1,5hp Aqua (xuất 2018)		4		2018	đang sử dụng	
10	Máy tính để bàn(gói 20 bộ)		1		2018	đang sử dụng	
11	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		2		2019	đang sử dụng	
12	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		1		2019	đang sử dụng	
13	Máy tính Main h81		1		2015	đang sử dụng	
14	Máy vi tính LCD ASUS VZ239HR Phong Vũ cho tầng		2		2023	đang sử dụng	
15	Máy vi tính (KB)01		1		2010	đang sử dụng	
16	Máy vi tính (KB)02		1		2010	đang sử dụng	
17	Máy vi tính (KB)03		1		2010	đang sử dụng	
18	Máy vi tính (KB)04		1		2010	đang sử dụng	
19	Máy vi tính (KB)05		1		2010	đang sử dụng	
20	Máy vi tính (KB)06		1		2010	đang sử dụng	
21	Máy vi tính (KB)07		1		2010	đang sử dụng	
22	Máy vi tính (KB)08		1		2010	đang sử dụng	
23	Máy vi tính (KB)09		1		2010	đang sử dụng	
24	Máy vi tính Main		1		2016	đang sử dụng	
25	Máy vi tính Main		1		2016	đang sử dụng	
26	Máy điện tım 3 cầ Fucuda FX -702		1		2016	hư hỏng	đã bàn giao phòng VTTY thanh lý
27	Máy lạnh sanyo sap KC 1226ES		1		2016	hư hỏng	bàn giao tài sản cho khoa YHCT năm 2022
28	Máy lạnh sanyo sap KC 1226ES		1		2016	hư hỏng	bàn giao tài sản cho khoa YHCT năm 2022
29	Máy lạnh sanyo sap KC 1226ES		1		2016	hư hỏng	bàn giao tài sản cho khoa YHCT năm 2022
30	Máy lạnh		1		2014	hư hỏng	bàn giao tài sản cho khoa YHCT năm 2022
31	Máy lạnh		1		2014	hư hỏng	bàn giao tài sản cho khoa YHCT năm 2022
Kho TTB-VTTY							
1	Bộ dụng cụ mỏ đục thủy tinh thể		1		2010	Hư hỏng	chờ thanh lý
2	Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt bỏ tuyến giáp		1		2010	Hư hỏng	chờ thanh lý
3	Bộ dụng cụ triệt sản nam và nữ		2		2008	Hư hỏng	chờ thanh lý

4	Bộ mở khí quản		2		2021	Hư hỏng	chờ thanh lý
5	Dao cắt Amidal		1		2015	Hư hỏng	chờ thanh lý
6	Đèn mô treo trần 2 nhánh 10 bóng		1		2008	Hư hỏng	chờ thanh lý
7	Kính hiển vi 2 thị kính Mỹ (CC Dân số)		2		2008	Hư hỏng	chờ thanh lý
8	Máy cắt đốt dùng trong sản khoa (CC Dân số)		1		2008	Hư hỏng	chờ thanh lý
9	Máy đo SPO2		1		2021	Hư hỏng	chờ thanh lý
10	Máy đo SPO2 cầm tay		3		2021	Hư hỏng	chờ thanh lý
11	Máy gây mê giúp thở		1		2008	Hư hỏng	chờ thanh lý
12	Máy hút đàm nhớt		1		2013	Hư hỏng	chờ thanh lý
13	Máy hút dẫn lưu màng phổi kín		9		2021	Bình thường	
14	Máy hút dịch chạy liên tục		1		2010	Bình thường	
15	Máy hút dịch chạy liên tục		1		2010	Bình thường	
16	Máy nội soi trực tràng		1		2010	Hư hỏng	chờ thanh lý
17	Máy Phun STIHL		10		2021	Hư hỏng	chờ thanh lý
18	Máy tạo Oxy1		2		2021	Bình thường	
19	Máy tạo Oxy2		4		2021	Bình thường	
20	Bộ máy vi tính_AT chuyển về cùng máy SA doppler		1		2011	Hư hỏng	chờ thanh lý
21	Máy tính để bàn (lẻ) Gói 20 bộ		1		2018	Bình thường	
22	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%		1		2019	Bình thường	
23	Máy truyền dịch tự động		6		2021	Bình thường	
24	Máy truyền dịch tự động		1		2021	Bình thường	
25	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động (CC Dân số)		1		2008	Hư hỏng	chờ thanh lý
26	Máy xông khí dung siêu âm (An Thanh)		1		2013	Hư hỏng	chờ thanh lý
27	Tủ sấy điện		1		2010	Bình thường	
28	Tủ sấy điện		1		2010	Bình thường	
29	Tủ sấy điện		1		2010	Bình thường	
30	Tủ sấy điện		1		2010	Bình thường	
31	Tủ sấy điện		1		2010	Bình thường	
32	Máy tạo oxy PSA_Cty cổ phần Đại Nam tặng		1		2023	Hư hỏng	chờ thanh lý
33	Máy vi tính LCD ASUS VZ239HR_Phong Vũ cho tặng		1		2023	Bình thường	
34	Tủ lạnh âm sâu		1		2015	Bình thường	
35	Tủ an toàn sinh học		1		2015	Hư hỏng	chờ thanh lý
36	Tủ bảo quản vắc xin Dometic TCW 3000		1		2008	Hư hỏng	chờ thanh lý
Đất							

1	Bệnh viện	14197,9 m2		2010			
2	Dân số	1.000,8 m2					
Nhà							
1	Nhà số 1		1		2009	Bình thường	
2	Nhà số 2		1		2009	Bình thường	
3	Nhà số 3		1		2009	Bình thường	
4	Nhà số 4		1		2009	Bình thường	
5	Nhà số 5		1		2009	Bình thường	
6	Nhà số 6		1		2009	Bình thường	
7	Nhà số 7		1		2009	Bình thường	
8	Nhà số 8		1		2009	Bình thường	
9	Nhà số 9		1		2009	Bình thường	
10	Nhà số 10		1		2010	Bình thường	
11	Nhà thuốc GDP		1		2010	Bình thường	
12	Bếp ăn bệnh viện		1		2010	Bình thường	
13	Hệ thống xử lý nước thải		1		2013	Hư hỏng	
14	Nhà kho xử lý rác thải		1		2015	Bình thường	
15	Hệ thống chống sét		1		2015	Bình thường	
16	Hệ thống Oxy trung tâm khu mới		1		2015	Bình thường	
17	Phòng thu viện phí		1		2016	Bình thường	
18	Nhà cấp 1		1		2016	Bình thường	
19	Thu gom nước thải		1		2017	Hư hỏng	
20	Hệ thống trung tâm khí y tế		1		2021	Bình thường	
	Nhà_ chi phí nâng cấp, cải tạo TTYT Thuận An(						
21	Nguồn vốn Ngân sách Trung Ương)		1		2024	Bình thường	
22	Nhà làm việc cấp 3c		1		1997	Bình thường	
23	Nhà kho cấp 4b		1		2007	Bình thường	

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Đề án tổng thể của Ủy ban nhân dân Thành phố về sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu được phê duyệt kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND;

Căn cứ phương án bàn giao tài chính, tài sản của Trung tâm y tế khu vực Thuận An.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại tiến hành công tác bàn giao tài chính, tài sản như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Bên bàn giao:

1.1 Sở Y Tế thành phố Hồ Chí Minh

- Ông /Bà..... Chức vụ:
- Ông/Bà.....Chức vụ.....

1.2 Trung Tâm Y Tế TP Thuận An :

- Ông Phan Quang Toàn Chức vụ: Giám đốc
- Bà Lê Thị Bình Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng

2. Bên nhận bàn giao:

2.1 UBND

- Ông/Bà Chức vụ:
- Ông/BàChức vụ:

2.2 Trạm Y tế Phường Thuận An

- Ông/Bà.....Chức vụ:

- Ông/Bà..... Chức vụ:

II. NỘI DUNG BÀN GIAO

1. Về tài chính

1.1 Bàn giao các loại quỹ (Kèm Mẫu số BK02-Bảng kê chi tiết bàn giao tiền gửi ngân hàng, kho bạc): 1.442.047.944đ, trong đó:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 759.727.074đ

- Quỹ khám chữa bệnh: 60.327.421đ

- Quỹ Khen thưởng: 175.446.100đ

- Quỹ Phúc lợi: 142.832.349đ

- Quỹ tăng thu nhập: 303.715.000đ

2.2 Bàn giao nợ phải thu (Kèm Mẫu số BK07- Bảng kê chi tiết bàn giao nợ phải thu): Trạm Y tế phường Thuận An phải trả cho Trung tâm y tế khu vực Thuận An tiền tồn kho thuốc là 229.199.640đ, trong đó:

- Tiền tồn kho thuốc tại Trạm Y Tế An Thạnh (cũ), nay là Trạm Y tế phường Thuận An: 119.330.104đ

- Tiền tồn kho thuốc tại Trạm Y Tế An Sơn (cũ), nay là Điểm trạm của Trạm Y Tế Phường Thuận An: 8.800.325đ

- Tiền tồn kho thuốc tại Trạm Y Tế Hưng Định (cũ), nay là Điểm trạm của Trạm Y Tế Phường Thuận An: 101.069.211đ

2. Bàn giao tài sản:

2.1 Bàn giao nguyên trạng tài sản tại các Trạm y tế cũ (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 29.057.452.705đ, trong đó:

Tên TYT cũ	Nhà	TTB chuyên dùng	TTB văn phòng	Đất	Tổng cộng
An Thạnh	8.510.883.000	3.388.110.930	306.386.605	11.066.796.000	23.272.176.535
An Sơn	209.763.000	62.107.050	58.687.500	3.348.465.120	3.679.022.670
Hưng Định	113.355.000	0	49.762.500	1.943.136.000	2.106.253.500
Cộng	8.834.001.000	3.450.217.980	414.836.605	16.358.397.120	29.057.452.705

2.2 Bàn giao tài sản điều chuyển từ khối Dự phòng về trạm y tế phường Thuận An (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 71.869.210đ, trong đó:

- Trang thiết bị chuyên dùng: 49.500.000đ
- Trang thiết bị văn phòng: 22.369.210đ

III. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

TTYT khu vực Thuận An chịu trách nhiệm quyết toán tài chính từ 31/12/2025 trở về trước

Trạm Y tế phường Thuận An chịu trách nhiệm tài chính và tài sản từ 01/01/2026 trở về sau.

Biên bản được lập thành 02 bản, giao mỗi bên 01 bản.

BÊN NHẬN

Đại diện UBND phường.....

BÊN GIAO

Đại diện SYT TP HCM

Đại diện Trạm y tế phường

Đại diện TTYT KV Thuận An

Mẫu số: BK02

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TIỀN GỬI NGÂN HÀNG, KHO BẠC

A. SỐ LIỆU CHI TIẾT BÀN GIAO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG THUẬN AN

I. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94001 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 4.225.140.541 đ

- Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận An số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	759.727.074
Tổng cộng						759.727.074

II. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94002 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 638.270.658đ

- Số tiền bằng chữ: Sáu trăm ba mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận An số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Khám chữa bệnh	60.327.421
Tổng cộng						60.327.421

III. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94005 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 776.401.125đ;

- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ một nghìn một trăm hai mươi lăm đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận An số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	175.446.100
Tổng cộng						175.446.100

IV. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94006 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 721.957.379;

- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm hai mươi một triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận An số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	142.832.349
Tổng cộng						142.832.349

V. Số hiệu tài khoản: 3713.2.1117062.94007 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 2.105.918.818;

- Số tiền bằng chữ: Hai tỷ một trăm lẻ năm triệu, chín trăm mười tám nghìn, tám trăm mười tám đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận An số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	303.715.000
Tổng cộng						303.715.000

B. TỔNG SỐ LIỆU BÀN GIAO CHO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG THUẬN AN

- Tổng số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc theo sổ kế toán: 1.442.047.944đ

- Tổng số tiền gửi ngân hàng, kho bạc đã bàn giao (cộng tổng số tiền đã bàn giao tại các bảng theo từng tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc).

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	759.727.074
-	-	-	-	-	+ Quỹ Khám chữa bệnh	60.327.421
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	175.446.100
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	142.832.349
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	303.715.000
Tổng cộng						1.442.047.944

Ghi chú:

Số liệu bàn giao trên đã tính tất cả các nguồn thu của trạm (kể cả BHYT Q4/2025)

Các khoản lương và phụ cấp theo lương đã chi trả đến hết tháng 12 năm 2025. Các khoản chi tăng lương trước hạn là chưa chi.

Các khoản chi điện, nước đã chốt hết tháng 12/2025

Các khoản chi điện thoại, internet chỉ chốt đến tháng 11/2025 (do tháng 12/2025 công ty VNPT chỉ chốt khi hết tháng và cũng không có thông báo cước để đóng sớm)

Tiền thuốc BHYT trạm còn phải trả cho Trung tâm y tế Thuận An là 229.199.640đ (do để đảm bảo KCB BHYT không bị gián đoạn)

Mẫu số: BK07
BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO NỢ PHẢI THU
TRẠM Y TẾ PHƯỜNG THUẬN AN

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Số tiền	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng		
A	B	C	D	1	E
A	Phải thu khách hàng				
I	Số liệu trên sổ kế toán (tổng số dư Nợ TK 131)			229.199.640	
II	Số liệu bàn giao			229.199.640	
1.	Trạm Y tế Phường Thuận An (An Thạnh)			119.330.104	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
2	Điểm 1 Trạm y tế phường Thuận An (An Sơn)			8.800.325	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
3	Điểm 2 trạm y tế phường Thuận An (Hưng Định)			101.069.211	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
III	Chênh lệch (I-II)			0	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường An Thạnh

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế phường An Thạnh (Cũ) nay thuộc Trạm Y tế phường Thuận An.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x				0	
II	Số liệu bàn giao	x		8.510.883.000	2.553.264.900	5.957.618.100	

1	Phòng khám Đa khoa An Thạnh			8.510.883.000	2.553.264.900	5.957.618.100	
III	Chênh lệch (I-II)			0	0	0	
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			3.388.110.930	3.375.294.042	12.816.888	
1	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.255.000	24.255.000	0	
2	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.255.000	24.255.000	0	
3	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.255.000	24.255.000	0	
4	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.255.000	24.255.000	0	
5	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.255.000	24.255.000	0	
6	Bộ dụng cụ hút thai			11.235.000	11.235.000	0	
7	Bộ dụng cụ hút thai			11.235.000	11.235.000	0	
8	Bộ dụng cụ hút thai			11.235.000	11.235.000	0	
9	Bộ dụng cụ hút thai			11.235.000	11.235.000	0	
10	Bộ dụng cụ hút thai			11.235.000	11.235.000	0	
11	Bộ dụng cụ khám, điều trị sản phụ khoa			55.020.000	55.020.000	0	
12	Bộ dụng cụ khám, điều trị sản phụ khoa			55.020.000	55.020.000	0	

13	Bộ dụng cụ tháo vòng tránh thai			26.250.000	26.250.000	0	
14	Bộ dụng cụ tháo vòng tránh thai			26.250.000	26.250.000	0	
15	Bộ dụng cụ triệt sản nam			85.627.500	85.627.500	0	
16	Bộ dụng cụ triệt sản nam			85.627.500	85.627.500	0	
17	Cân kỹ thuật hiện số			13.965.000	13.965.000	0	
18	Ghế tập mạnh cơ đùi			12.967.500	12.967.500	0	
19	Giác hút thai inox (Máy hút thai)			39.795.000	39.795.000	0	
20	Giường kéo cột sống			11.340.000	11.340.000	0	
21	Kéo ròng rọc + Xe đạp gắng sức			10.815.000	10.815.000	0	
22	Kính hiển vi 2 mắt			18.952.500	18.952.500	0	
23	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			52.185.000	52.185.000	0	
24	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			52.185.000	52.185.000	0	
25	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			52.185.000	52.185.000	0	
26	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			52.185.000	52.185.000	0	
27	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			52.185.000	52.185.000	0	
28	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			52.185.000	52.185.000	0	
29	Máy chụp X-			792.750.000	792.750.000	0	

	Quang cao tần 400 mA						
30	Máy điện tim 1 cần Newtech			23.068.000	23.068.000	0	
31	Máy đo điện tim 1-2 kênh			36.750.000	36.750.000	0	
32	Máy hút đàm nhớt			10.500.000	10.500.000	0	
33	Máy li tâm đa năng			98.857.500	98.857.500	0	
34	Máy phân tích nước tiểu TĐ 10 thông số			35.700.000	35.700.000	0	
35	Máy phân tích sinh hóa tự động hoàn toàn			808.395.000	808.395.000	0	
36	Máy quang châm			37.045.470	37.045.470	0	
37	Máy quang trị liệu			16.838.850	16.838.850	0	
38	Máy rửa phim Protec MD: SRX 101A Đức SX			100.250.000	100.250.000	0	
39	Máy tạo oxy từ khí trời 5 lít/phút			34.860.000	34.860.000	0	
40	Máy xét nghiệm huyết học 18 thông số TĐ			260.295.000	260.295.000	0	
41	Máy xông khí dung siêu âm			10.500.000	10.500.000	0	
42	Monitor theo dõi sản khoa loại song thai			145.530.000	145.530.000	0	
43	Tủ sấy khô điện từ 53 lít			28.560.000	28.560.000	0	
44	Tủ lạnh HBC-80			16.021.110	3.204.222	12.816.888	
D	Trang thiết bị văn phòng			306.386.605	207.511.605	98.875.000	
1	Bộ máy tính hp DA vaac-			17.390.000	17.390.000	0	

	us,CDC tỉnh cấp						
2	Máy giặt 13 kg			17.745.000	17.745.000	0	
3	Máy phát điện			39.900.000	39.900.000	0	
4	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	
5	Máy tính FPT Elead T8100i + tích điện gói 30 bộ PTSN 2000			11.184.605	11.184.605	0	
6	Máy tính FPT Elead T9400TG gói 30 bộ PTSN 5%			12.372.000	12.372.000	0	
7	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
8	Máy vi tính + Máy in laser			17.482.500	17.482.500	0	
9	Máy vi tính + Máy in laser			17.482.500	17.482.500	0	
10	Máy vi tính + Máy in laser			17.482.500	17.482.500	0	
11	Máy giặt 13 kg			16.800.000	16.800.000	0	
12	Máy lạnh 1.5 HP_PTSN Trạm			12.600.000	1.575.000	11.025.000	
13	Máy lạnh 1.5 HP_PTSN Trạm			12.600.000	1.575.000	11.025.000	
14	Máy lạnh 1.5 HP_PTSN Trạm			12.600.000	1.575.000	11.025.000	
15	Máy lạnh 1.5 HP_PTSN Trạm			12.600.000	1.575.000	11.025.000	
16	Máy lạnh 1.5 HP_PTSN Trạm			12.600.000	1.575.000	11.025.000	
17	Máy lạnh 1.5 HP_PTSN Trạm			12.600.000	1.575.000	11.025.000	
18	Máy lạnh 2 HP_PTSN Trạm			18.700.000	2.337.500	16.362.500	

19	Máy lạnh 2 HP_PTSN Trạm			18.700.000	2.337.500	16.362.500	
E	Quyền sử dụng đất			11.066.796.000	0	11.066.796.000	
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)			11.066.796.000	0	11.066.796.000	
II	Số liệu bàn giao			11.066.796.000	0	11.066.796.000	
1	Phòng khám Đa khoa An Thạnh			11.066.796.000	0	11.066.796.000	
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			23.272.176.535	6.136.070.547	17.136.105.988	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) bản gốc số D 0692495 ngày cấp 28/03/1995

1 giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước (màu tím) bản gốc số 043901 ngày cấp 23/11/2004

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Hưng Định

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế phường Hưng Định (Cũ) nay thuộc Điểm y tế 2 của Trạm Y tế phường Thuận An.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x		113.355.000	113.355.000	0	
II	Số liệu bàn giao	x		113.355.000	113.355.000	0	

1	Trạm Y tế phường Hưng Định			113.355.000	113.355.000	0	
III	Chênh lệch (I- II)			0	0	0	
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng						
D	Trang thiết bị văn phòng			49.762.500	49.762.500	0	
1	Máy lạnh Sanyo 1,5HP AQUA			12.475.000	12.475.000	0	
2	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	
3	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
4	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
E	Quyền sử dụng đất			1.943.136.000	0	1.943.136.000	
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)			1.943.136.000	0	1.943.136.000	
II	Số liệu bàn giao			1.943.136.000	0	1.943.136.000	
1	Trạm Y tế phường Hưng Định			1.943.136.000	0	1.943.136.000	
III	Chênh lệch (I- II)						
	...						

	Tổng cộng		2.106.253.500	163.117.500	1.943.136.000	
--	------------------	--	----------------------	--------------------	----------------------	--

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) bản gốc số D 0692496 ngày cấp 28/03/1995

1 giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước (màu tím) bản gốc số 044064 ngày cấp 16/03/2005.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế xã An Sơn

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế xã An Sơn (Cũ) nay thuộc Điểm y tế 1 của Trạm Y tế phường Thuận An.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x		209.763.000	209.763.000	0	
II	Số liệu bàn giao	x		209.763.000	209.763.000	0	
1	Trạm Y tế xã An Sơn			209.763.000	209.763.000	0	

III	Chênh lệch (I-II)			0	0	0	
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			62.107.050	62.107.050	0	
1	Máy nghe tim thai Gineson 600			12.703.200	12.703.200	0	
2	Máy quang châm 10 đầu châm (áp)			32.565.000	32.565.000	0	
3	Máy quang trị liệu 2 kênh (áp)			16.838.850	16.838.850	0	
D	Trang thiết bị văn phòng			58.687.500	58.687.500	0	
1	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
2	Hệ thống âm thanh Amply + loa +micro			21.400.000	21.400.000	0	
3	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
4	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	
E	Quyền sử dụng đất			3.348.465.120	0	3.348.465.120	
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)			3.348.465.120	0	3.348.465.120	
II	Số liệu bàn giao			3.348.465.120	0	3.348.465.120	
1	Trạm Y tế xã An Sơn			3.348.465.120	0	3.348.465.120	
III	Chênh lệch (I-II)						

	...						
	Tổng cộng			3.679.022.670	330.557.550	3.348.465.120	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1 giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước (sổ màu tím) bản gốc số 043835 ngày cấp 05/10/2004.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị: Từ khối dự phòng chuyển qua Trạm Y tế phường An Thạnh (Cũ) nay thuộc Trạm Y tế phường Thuận An.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x					
II	Số liệu bàn giao	x					
III	Chênh lệch (I-II)						
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						

C	Trang thiết bị chuyên dùng			49.500.000	49.500.000	0	
1	Máy phun ULV đeo vai			19.500.000	19.500.000	0	
2	Xe máy Dream			15.000.000	15.000.000	0	
3	Xe máy kawasaki			15.000.000	15.000.000	0	
D	Trang thiết bị văn phòng			22.369.210	22.369.210	0	
1	Máy tính FPT Elead T8100i + tích điện gói 30 bộ PTSN 2000			11.184.605	11.184.605	0	
2	Máy tính FPT Elead T8100i + tích điện gói 30 bộ PTSN 2000			11.184.605	11.184.605	0	
E	Quyền sử dụng đất						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)						
II	Số liệu bàn giao						
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			71.869.210	71.869.210	0	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Đề án tổng thể của Ủy ban nhân dân Thành phố về sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu được phê duyệt kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND;

Căn cứ phương án bàn giao tài chính tài sản của Trung tâm y tế khu vực Thuận An.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại tiến hành công tác bàn giao tài chính, tài sản như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Bên bàn giao:

1.1 Sở Y Tế thành phố Hồ Chí Minh

- Ông/Bà..... Chức vụ:

- Ông/ Bà.....Chức vụ

1.2 Trung Tâm Y Tế TP Thuận An :

- Ông Phan Quang Toàn Chức vụ: Giám đốc

- Bà Lê Thị Bình Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
kiêm Kế toán trưởng

2. Bên nhận bàn giao:

2.1 UBND

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

2.2 Trạm Y tế Phường Lái Thiêu

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

II. NỘI DUNG BÀN GIAO

1. Về tài chính

1.1 Bàn giao các loại quỹ (Kèm Mẫu số BK02-Bảng kê chi tiết bàn giao tiền gửi ngân hàng, kho bạc): 93.219.920đ, trong đó:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 49.309.517đ
- Quỹ khám chữa bệnh: 23.580.456đ
- Quỹ Khen thưởng: 19.203.000đ
- Quỹ Phúc lợi: 1.126.947đ
- Quỹ tăng thu nhập: 0đ

2.2 Bàn giao nợ phải thu (Kèm Mẫu số BK07- Bảng kê chi tiết bàn giao nợ phải thu): Trạm Y tế phường Lái Thiêu phải trả cho Trung tâm y tế khu vực Thuận An tiền tồn kho thuốc là 67.927.861đ, trong đó:

- Tiền tồn kho thuốc tại Trạm Y Tế Vĩnh Phú (cũ), nay là Trạm Y tế phường Lái Thiêu: 25.911.360đ

- Tiền tồn kho thuốc tại Trạm Y Tế Lái Thiêu (cũ), nay là Điểm trạm của Trạm Y Tế Phường Lái Thiêu: 19.584.447đ

- Tiền tồn kho thuốc tại Trạm Y Tế Bình Nhâm (cũ), nay là Điểm trạm của Trạm Y Tế Phường Lái Thiêu: 22.432.054đ

2. Bàn giao tài sản:

2.1 Bàn giao nguyên trạng tài sản tại các Trạm y tế cũ (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 65.147.700.120đ, trong đó:

Tên TYT cũ	Nhà	TTB chuyên dùng	TTB văn phòng	Đất	Tổng cộng
Lái Thiêu	344.142.000	257.017.110	85.629.000	26.376.330.240	27.063.118.350
Bình Nhâm	162.209.000	39.089.110	49.762.500	940.001.400	1.191.062.010
Vĩnh Phú	15.526.126.310	3.461.282.450	99.647.000	17.806.464.000	36.893.519.760
Cộng	16.032.477.310	3.757.388.670	235.038.500	45.122.795.640	65.147.700.120

2.2 Bàn giao tài sản điều chuyển từ khối Dự phòng về trạm y tế phường Lái Thiêu (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 12.936.797.957đ, trong đó:

- Nhà khối Dự Phòng: 12.598.962.641đ
- Trang thiết bị chuyên dùng: 67.625.316đ
- Trang thiết bị văn phòng: 270.210.000đ

III. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

TTYT khu vực Thuận An chịu trách nhiệm quyết toán tài chính từ 31/12/2025 trở về trước

Trạm Y tế phường Lái Thiêu chịu trách nhiệm tài chính và tài sản từ 01/01/2026 trở về sau.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, giao mỗi bên 01 bản.

BÊN NHẬN

Đại diện UBND phường.....

BÊN GIAO

Đại diện SYT TP HCM

Đại diện Trạm y tế phường

Đại diện TTYT KV Thuận An

Mẫu số: BK02

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TIỀN GỬI NGÂN HÀNG, KHO BẠC

A. SỐ LIỆU CHI TIẾT BÀN GIAO CHO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG LÁI THIÊU

I. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94001 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 4.225.140.541 đ

- Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Lái Thiêu số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	49.309.517
Tổng cộng						49.309.517

II. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94002 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 638.270.658đ

- Số tiền bằng chữ: Sáu trăm ba mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Lái Thiêu số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	Quỹ Khám chữa bệnh	23.580.456
Tổng cộng						23.580.456

III. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94005 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 776.401.125đ;

- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ một nghìn một trăm hai mươi lăm đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Lái Thiêu số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	19.203.000
Tổng cộng						19.203.000

IV. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94006 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 721.957.379;

- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm hai mươi một triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Lái Thiêu số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	1.126.947
Tổng cộng						1.126.947

V. Số hiệu tài khoản: 3713.2.1117062.94007 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 2.105.918.818;

- Số tiền bằng chữ: Hai tỷ một trăm lẻ năm triệu, chín trăm mười tám nghìn, tám trăm mười tám đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Lái Thiêu số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	-
Tổng cộng						-

B. TỔNG SỐ LIỆU BÀN GIAO CHO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG LÁI THIÊU LÀ:

- Tổng số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc theo sổ kế toán: 93.219.920 đ

- Tổng số tiền gửi ngân hàng, kho bạc đã bàn giao (cộng tổng số tiền đã bàn giao tại các bảng theo từng tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc).

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	49.309.517
-	-	-	-	-	+ Quỹ Khám chữa bệnh	23.580.456
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	19.203.000
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	1.126.947
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	-
Tổng cộng						93.219.920

Ghi chú:

Số liệu bàn giao trên đã tính tất cả các nguồn thu của trạm (kể cả BHYT Q4/2025)

Các khoản lương và phụ cấp theo lương đã chi trả đến hết tháng 12 năm 2025. Các khoản chi tăng lương trước hạn là chưa chi.

Các khoản chi điện, nước đã chốt hết tháng 12/2025

Các khoản chi điện thoại, internet chỉ chốt đến tháng 11/2025 (do tháng 12/2025 công ty VNPT chỉ chốt khi hết tháng và cũng không có thông báo cước để đóng sớm)

Tiền thuốc BHYT trạm còn phải trả cho Trung tâm y tế Thuận An là 67.927.861đ (do đề đảm bảo KCB BHYT không bị gián đoạn)

Mẫu số: BK07
BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO NỢ PHẢI THU
TRẠM Y TẾ PHƯỜNG LÁI THIÊU

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Số tiền	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng		
A	B	C	D	1	E
A	Phải thu khách hàng				
I	Số liệu trên sổ kế toán (tổng số dư Nợ TK 131)			67.927.861	
II	Số liệu bàn giao			67.927.861	
1	Trạm Y tế Phường Lái Thiêu (Vĩnh Phú)			25.911.360	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
2	Điểm y tế 1 Trạm Y tế Phường Lái Thiêu (Lái Thiêu cũ)			19.584.447	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
3	Điểm y tế 2 Trạm y tế Phường Lái Thiêu (Bình Nhâm)			22.432.054	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
III	Chênh lệch (I-II)			0	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Lái Thiêu

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế phường Lái Thiêu (Cũ) nay thuộc Điểm Y tế 1 của Trạm Y tế phường Lái Thiêu.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x				0	
II	Số liệu bàn giao	x		344.142.000	344.142.000	0	

1	Trạm Y tế phường Lái Thiêu			344.142.000	344.142.000	0	
III	Chênh lệch (I-II)			0	0	0	
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			257.017.110	244.200.222	12.816.888	
1	Nồi hấp sấy áp lực điện 24 lít SA- 252F			26.116.000	26.116.000	0	
2	Máy siêu âm Newtech (Thuận giao chuyển về)			214.880.000	214.880.000	0	
3	Tủ lạnh HBC-80			16.021.110	3.204.222	12.816.888	
D	Trang thiết bị văn phòng			85.629.000	85.629.000	0	
1	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
2	Hệ thống âm thanh Amplify + loa +micro			21.400.000	21.400.000	0	
3	Máy lạnh Sanyo 2,0HP AQUA			14.000.000	14.000.000	0	
4	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
5	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
6	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	
E	Quyền sử dụng đất			26.376.330.240	0	26.376.330.240	

I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)			26.376.330.240	0	26.376.330.240	
II	Số liệu bàn giao			26.376.330.240	0	26.376.330.240	
1	Trạm Y tế phường Lái Thiêu			26.376.330.240	0	26.376.330.240	
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			27.063.118.350	673.971.222	26.389.147.128	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1 giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước (màu tím) bản gốc số 044099 ngày cấp 23/11/2004.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Vĩnh Phú

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế phường Vĩnh Phú (Cũ) nay thuộc Trạm Y tế phường Lái Thiêu.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x				0	
II	Số liệu bàn giao	x		15.526.126.310	4.036.792.841	11.489.333.469	
1	Phòng khám Đa khoa Vĩnh Phú			15.526.126.310	4.036.792.841	11.489.333.469	
III	Chênh lệch			0	0	0	

	(I-II)						
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			3.461.282.450	3.461.282.450	0	
1	Máy Laser bán dẫn (Ap)			51.000.000	51.000.000	0	
2	Máy quang châm			51.000.000	51.000.000	0	
3	Bàn khám và ghế điều trị TMH			266.280.000	266.280.000	0	
4	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
5	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
6	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
7	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
8	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
9	Bộ dụng cụ khám điều trị sản phụ khoa			55.566.000	55.566.000	0	
10	Bộ dụng cụ khám điều trị sản phụ khoa			55.566.000	55.566.000	0	
11	Bộ dụng cụ tháo vòng tránh thai			25.725.000	25.725.000	0	
12	Bộ dụng cụ tháo vòng tránh thai			25.725.000	25.725.000	0	
13	Bộ dụng cụ triệt sản nam nữ			92.925.000	92.925.000	0	
14	Bộ dụng cụ triệt sản nam nữ			92.925.000	92.925.000	0	
15	Bộ kèm nhổ răng người lớn,			75.006.750	75.006.750	0	

	trẻ em các loại						
16	Ghế khám và điều trị răng			127.338.750	127.338.750	0	
17	Kính hiển vi 2 mắt			17.850.000	17.850.000	0	
18	Máy ly tâm đa năng			70.350.000	70.350.000	0	
19	Tủ sấy khô điện từ 53 lít			39.060.000	39.060.000	0	
20	Ghế tập mạnh cơ đùi			11.865.000	11.865.000	0	
21	Ghế tập mạnh cơ đùi			11.865.000	11.865.000	0	
22	Giường kéo cột sống tự động			320.365.500	320.365.500	0	
23	Máy điện tim 3 kênh KENZ CARDICO 306			48.000.000	48.000.000	0	
24	Máy hút đàm nhớt			14.910.000	14.910.000	0	
25	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số			35.595.000	35.595.000	0	
26	Máy phân tích sinh hóa tự động hoàn toàn			772.327.500	772.327.500	0	
27	Máy tạo Oxy từ khí trời 5 lít/phút			21.262.500	21.262.500	0	
28	Máy tạo Oxy từ khí trời 5 lít/phút			21.262.500	21.262.500	0	
29	Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số			281.295.000	281.295.000	0	
30	Bàn mổ đa năng thủy lực			94.185.000	94.185.000	0	
31	Bộ dụng cụ cắt Amydal			61.446.000	61.446.000	0	
32	Bộ dụng cụ hút thai			10.815.000	10.815.000	0	
33	Bộ dụng cụ hút thai			10.815.000	10.815.000	0	
34	Bộ dụng cụ hút			10.815.000	10.815.000	0	

	thai						
35	Bộ dụng cụ hút thai			10.815.000	10.815.000	0	
36	Bộ dụng cụ hút thai			10.815.000	10.815.000	0	
37	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt			14.943.400	14.943.400	0	
38	Cân kỹ thuật số			13.650.000	13.650.000	0	
39	Đèn treo khám ngũ quan			14.323.050	14.323.050	0	
40	Máy siêu âm chuẩn đoán xách tay			251.895.000	251.895.000	0	
41	Máy xông khí dung siêu âm			13.429.500	13.429.500	0	
42	Máy cạo vôi siêu âm			15.760.000	15.760.000	0	
43	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			53.917.500	53.917.500	0	
44	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			53.917.500	53.917.500	0	
45	Máy quang trị liệu			57.225.000	57.225.000	0	
46	Máy quang trị liệu			57.225.000	57.225.000	0	
D	Trang thiết bị văn phòng			99.647.000	99.647.000	0	
1	Máy phát điện 5kVA			30.597.000	30.597.000	0	
2	Máy giặt 12kg			15.697.500	15.697.500	0	
3	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	
4	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
5	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
6	Máy vi tính + máy			16.065.000	16.065.000	0	

	in laser						
E	Quyền sử dụng đất			17.806.464.000	0	17.806.464.000	
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)			17.806.464.000	0	17.806.464.000	
II	Số liệu bàn giao			17.806.464.000	0	17.806.464.000	
1	Phòng khám Đa khoa Vĩnh Phú			17.806.464.000	0	17.806.464.000	
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			36.893.519.760	7.597.722.291	29.295.797.469	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) bản gốc số D 0820857 ngày cấp 28/03/1995

1 giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước (màu tím) bản gốc số 044098 ngày cấp 23/11/2004.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Bình Nhâm

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế phường Bình Nhâm (Cũ) nay thuộc Điểm y tế 2 của Trạm Y tế phường Lái Thiêu.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x		162.209.000	162.209.000	0	
II	Số liệu bàn giao	x		162.209.000	162.209.000	0	

1	Trạm Y tế phường Bình Nhâm			162.209.000	162.209.000	0	
III	Chênh lệch (I- II)			0	0	0	
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			39.089.110	26.272.222	12.816.888	
1	Máy điện tim 1 căn Newtech			23.068.000	23.068.000	0	
2	Tủ lạnh HBC-80			16.021.110	3.204.222	12.816.888	
D	Trang thiết bị văn phòng			49.762.500	49.762.500	0	
1	Máy lạnh Sanyo 1,5HP AQUA			12.475.000	12.475.000	0	
2	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	
3	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
4	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
E	Quyền sử dụng đất			940.001.400	0	940.001.400	
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)			940.001.400	0	940.001.400	
II	Số liệu bàn giao			940.001.400	0	940.001.400	
1	Trạm Y tế phường Bình Nhâm			940.001.400	0	940.001.400	
III	Chênh lệch (I-						

	II)						
	...						
	Tổng cộng			1.191.062.010	238.243.722	952.818.288	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) bản gốc số D 0692494 ngày cấp 28/03/1995.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Lái Thiêu

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị: Từ khối dự phòng chuyển qua Trạm Y tế phường Lái Thiêu (Cũ) nay thuộc Điểm Y tế 1 của Trạm Y tế phường Lái Thiêu.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x		12.598.962.641	5.042.104.849	7.556.857.792	
II	Số liệu bàn giao	x		12.598.962.641	5.042.104.849	7.556.857.792	

1	Nhà làm việc DP			12.598.962.641	5.042.104.849	7.556.857.792	
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			67.625.316	65.389.147	2.236.169	
1	Hòm lạnh kèm theo thiết bị theo dõi nhiệt độ (TCMR 2021)			11.180.844	8.944.675	2.236.169	
2	Máy phun still			16.000.000	16.000.000	0	
3	Tủ hóa chất (tủ lạnh)ytcc chuyển qua			12.044.472	12.044.472	0	
4	Xe máy Yamaha Jupiter F1 2016			28.400.000	28.400.000	0	
D	Trang thiết bị văn phòng			270.210.000	255.897.500	14.312.500	
1	Máy vi tính Laptop Dell			14.960.000	14.960.000	0	
2	Máy tính LG + máy in LBP 2900			21.500.000	21.500.000	0	
3	Máy tính Main h8l			12.760.000	12.760.000	0	
4	Bộ máy tính FPT_PCS rút tỉnh cấp			11.409.000	11.409.000	0	
5	Bộ máy tính hp_DA vaac-us,cdc tỉnh cấp			17.390.000	17.390.000	0	

6	Bộ máy tính hp_DÁ vaac- us,cdc tính cấp			17.390.000	17.390.000	0	
7	Máy lạnh 2 HP có Inverter Panasonic_NSNN Covid 19			22.900.000	8.587.500	14.312.500	
8	Máy photo AR- M106			50.529.000	50.529.000	0	
9	máy vi tính xách tay			28.900.000	28.900.000	0	
10	Loa + micro Shap			14.500.000	14.500.000	0	
11	Máy chiếu Pro			35.200.000	35.200.000	0	
12	Máy tính Main h81			12.760.000	12.760.000	0	
13	máy chiếu overhead			10.012.000	10.012.000	0	
E	Quyền sử dụng đất						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)						
II	Số liệu bàn giao						
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			12.936.797.957	5.363.391.496	7.573.406.461	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Đề án tổng thể của Ủy ban nhân dân Thành phố về sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu được phê duyệt kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND;

Căn cứ phương án bàn giao tài chính, tài sản của Trung tâm y tế khu vực Thuận An.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại tiến hành công tác bàn giao tài chính, tài sản như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Bên bàn giao:

1.1 Sở Y Tế thành phố Hồ Chí Minh

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

1.2 Trung Tâm Y Tế TP Thuận An :

- Ông Phan Quang Toàn Chức vụ: Giám đốc

- Bà Lê Thị Bình Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
kiêm Kế toán trưởng

2. Bên nhận bàn giao:

2.1 UBND

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

2.2 Trạm Y tế Phường Bình Hòa

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

II. NỘI DUNG BÀN GIAO

1. Về tài chính

1.1 Bàn giao các loại quỹ (Kèm Mẫu số BK02-Bảng kê chi tiết bàn giao tiền gửi ngân hàng, kho bạc): 128.942.496đ, trong đó:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 77.584.416đ
- Quỹ khám chữa bệnh: 15.957.513đ
- Quỹ Khen thưởng: 4.214.000đ
- Quỹ Phúc lợi: 9.628.567đ
- Quỹ tăng thu nhập: 21.558.000đ

2.2 Bàn giao nợ phải thu (Kèm Mẫu số BK07- Bảng kê chi tiết bàn giao nợ phải thu): Trạm Y tế phường Bình Hòa phải trả cho Trung tâm y tế khu vực Thuận An tiền tồn kho thuốc là 25.725.542đ

2. Bàn giao tài sản:

2.1 Bàn giao nguyên trạng tài sản tại các Trạm y tế cũ (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 34.698.232.629đ, trong đó:

Tên TYT cũ	Nhà	TTB chuyên dùng	TTB văn phòng	Đất	Tổng cộng
Bình Hòa	17.270.889.699	2.583.115.430	141.227.500	14.703.000.000	34.698.232.629
Cộng	17.270.889.699	2.583.115.430	141.227.500	14.703.000.000	34.698.232.629

2.2 Bàn giao tài sản điều chuyển từ khối Dự phòng về trạm y tế phường Bình Hòa (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 47.019.605đ, trong đó:

- Trang thiết bị chuyên dùng: 35.835.000đ
- Trang thiết bị văn phòng: 11.184.605đ

III. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

TTYT khu vực Thuận An chịu trách nhiệm quyết toán tài chính từ 31/12/2025 trở về trước

Trạm Y tế phường Bình Hòa chịu trách nhiệm tài chính và tài sản từ 01/01/2026 trở về sau.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, giao mỗi bên 01 bản.

BÊN NHẬN

Đại diện UBND phường.....

BÊN GIAO

Đại diện SYT TP HCM

Đại diện Trạm y tế phường

Đại diện TTYT KV Thuận An

Mẫu số: BK02

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TIỀN GỬI NGÂN HÀNG, KHO BẠC

A. SỐ LIỆU CHI TIẾT BÀN GIAO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG BÌNH HÒA

I. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94001 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 4.225.140.541 đ

- Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Bình Hòa số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	77.584.416
Tổng cộng						77.584.416

II. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94002 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 638.270.658đ

- Số tiền bằng chữ: Sáu trăm ba mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Bình Hòa số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	Quỹ Khám chữa bệnh	15.957.513
Tổng cộng						15.957.513

III. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94005 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 776.401.125đ;

- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ một nghìn một trăm hai mươi lăm đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Bình Hòa số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	4.214.000
Tổng cộng						4.214.000

IV. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94006 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 721.957.379;

- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm hai mươi một triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Bình Hòa số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	9.628.567
Tổng cộng						9.628.567

V. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94007 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 2.105.918.818;

- Số tiền bằng chữ: Hai tỷ một trăm lẻ năm triệu, chín trăm mười tám nghìn, tám trăm mười tám đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Bình Hòa số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	21.558.000
Tổng cộng						21.558.000

B. TỔNG SỐ LIỆU BÀN GIAO CHO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG BÌNH HÒA

- Tổng số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc theo sổ kế toán: 128.942.496 đ

- Tổng số tiền gửi ngân hàng, kho bạc đã bàn giao (cộng tổng số tiền đã bàn giao tại các bảng theo từng tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc).

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	77.584.416
-	-	-	-	-	+ Quỹ Khám chữa bệnh	15.957.513
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	4.214.000
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	9.628.567
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	21.558.000
Tổng cộng						128.942.496

Ghi chú:

Số liệu bàn giao trên đã tính tất cả các nguồn thu của trạm (kể cả BHYT Q4/2025)

Các khoản lương và phụ cấp theo lương đã chi trả đến hết tháng 12 năm 2025. Các khoản chi tăng lương trước hạn là chưa chi.

Các khoản chi điện, nước đã chốt hết tháng 12/2025

Các khoản chi điện thoại, internet chỉ chốt đến tháng 11/2025 (do tháng 12/2025 công ty VNPT chỉ chốt khi hết tháng và cũng không có thông báo cước để đóng sớm). Đề nghị trạm chi trả tiếp theo

Thuốc BHYT trạm còn phải trả cho Trung tâm y tế Thuận An là 25.725.542đ (do đề đảm bảo KCB BHYT không bị gián đoạn)

Mẫu số: BK07
BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO NỢ PHẢI THU
TRẠM Y TẾ PHƯỜNG BÌNH HÒA

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Số tiền	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng		
A	B	C	D	1	E
A	Phải thu khách hàng				
I	Số liệu trên sổ kế toán (tổng số dư Nợ TK 131)			25.725.542	
II	Số liệu bàn giao			25.725.542	
I	Trạm Y tế Phường Bình Hòa			25.725.542	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
III	Chênh lệch (I-II)			0	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Bình Hòa

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế phường Bình Hòa

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x				0	
II	Số liệu bàn giao	x		17.270.889.699	4.490.431.322	12.780.458.377	
1	Phòng khám Đa khoa Bình Hoà			17.270.889.699	4.490.431.322	12.780.458.377	
III	Chênh lệch (I-II)			0	0	0	

B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			2.583.115.430	2.570.298.542	12.816.888	
1	Máy quang châm OA-10-124			37.045.470	37.045.470	0	
2	Máy quang trị liệu OT-224			16.838.850	16.838.850	0	
3	Máy đo điện tim 3kênh			63.600.000	63.600.000	0	
4	Tủ sấy khô 58lít			56.000.000	56.000.000	0	
5	Tủ sấy khô 58lít			56.000.000	56.000.000	0	
6	Kính hiển vi 2 mắt			24.600.000	24.600.000	0	
7	Cân kỹ thuật số			18.200.000	18.200.000	0	
8	Dụng cụ đặt vòng tránh thai			25.800.000	25.800.000	0	
9	Giường kéo cột sống lưng			11.700.000	11.700.000	0	
10	Máy châm cứu 6kênh có đầu dò huyết			58.300.000	58.300.000	0	
11	Máy châm cứu 6kênh có đầu dò huyết			58.300.000	58.300.000	0	
12	Máy quang trị liệu 2 bước sóng			55.180.000	55.180.000	0	
13	Máy tạo oxy từ khí trời 5lít/phút			32.600.000	32.600.000	0	
14	Máy Xq 500 Ma			930.000.000	930.000.000	0	
15	Đèn khám bệnh ánh sáng Led(đèn tiểu phẫu)			18.000.000	18.000.000	0	
16	Đèn khám mắt mũi tai			12.800.000	12.800.000	0	
17	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt (đồng bộ)			60.050.000	60.050.000	0	

18	Bộ dụng cụ khám điều trị TMH (đồng bộ)			113.000.000	113.000.000	0	
19	Bộ kèm nhỏ răng người lớn, trẻ em các loại			48.700.000	48.700.000	0	
20	Bộ dụng cụ sản phụ khoa			168.500.000	168.500.000	0	
21	Thước đo khung chậu			10.600.000	10.600.000	0	
22	Dụng cụ đặt vòng tránh thai			25.800.000	25.800.000	0	
23	Dụng cụ tháo vòng tránh thai			26.700.000	26.700.000	0	
24	Dụng cụ tháo vòng tránh thai			26.700.000	26.700.000	0	
25	Máy phân tích nước tiểu			41.500.000	41.500.000	0	
26	Máy phân tích SH bán tự động			137.800.000	137.800.000	0	
27	Máy quang trị liệu 2 bước sóng			55.180.000	55.180.000	0	
28	Máy tạo oxy từ khí trời 5lít/phút			32.600.000	32.600.000	0	
29	Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số			345.000.000	345.000.000	0	
30	Tủ lạnh HBC-80			16.021.110	3.204.222	12.816.888	
D	Trang thiết bị văn phòng			141.227.500	141.227.500	0	
1	Ti vi sam sung 42 in loa kéo Acnos			21.000.000	21.000.000	0	
2	Máy phát điện 5KWA/220v			34.200.000	34.200.000	0	
3	Máy vi tính + máy in			19.000.000	19.000.000	0	
4	Máy giặt 12kg			18.000.000	18.000.000	0	
5	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	

6	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
7	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
8	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
E	Quyền sử dụng đất			14.703.000.000	0	14.703.000.000	
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)			14.703.000.000	0	14.703.000.000	
II	Số liệu bàn giao			14.703.000.000	0	14.703.000.000	
1	Phòng khám Đa khoa Bình Hoà			14.703.000.000	0	14.703.000.000	
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			34.698.232.629	7.201.957.364	27.496.275.265	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

Sổ đo hiện Ủy ban đang giữ

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Bình Hòa

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị: Từ khối dự phòng chuyển qua Trạm Y tế phường Bình Hòa

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x					
II	Số liệu bàn giao	x					
III	Chênh lệch (I-II)						
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						

C	Trang thiết bị chuyên dùng			35.835.000	35.835.000	0	
1	Tủ trữ vaccin			16.335.000	16.335.000	0	
2	Máy phun ULV đeo vai			19.500.000	19.500.000	0	
D	Trang thiết bị văn phòng			11.184.605	11.184.605	0	
1	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000			11.184.605	11.184.605	0	
E	Quyền sử dụng đất						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)						
II	Số liệu bàn giao						
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			47.019.605	47.019.605	0	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Đề án tổng thể của Ủy ban nhân dân Thành phố về sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu được phê duyệt kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND;

Căn cứ phương án bàn giao tài chính, tài sản của Trung tâm y tế khu vực Thuận An.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại tiến hành công tác bàn giao tài chính, tài sản như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Bên bàn giao:

1.1 Sở Y Tế thành phố Hồ Chí Minh

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà.....Chức vụ.....

1.2 Trung Tâm Y Tế TP Thuận An :

- Ông Phan Quang Toàn Chức vụ: Giám đốc

- Bà Lê Thị Bình Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
kiêm Kế toán trưởng

2. Bên nhận bàn giao:

2.1 UBND

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

2.2 Trạm Y tế Phường Thuận Giao

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông /Bà..... Chức vụ:

II. NỘI DUNG BÀN GIAO

1. Về tài chính

1.1 Bàn giao các loại quỹ (Kèm Mẫu số BK02-Bảng kê chi tiết bàn giao tiền gửi ngân hàng, kho bạc): 270.433.778đ, trong đó:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 168.428.740đ

- Quỹ khám chữa bệnh: 36.816.104đ

- Quỹ Khen thưởng: 31.490.000đ

- Quỹ Phúc lợi: 15.676.934đ

- Quỹ tăng thu nhập: 18.022.000đ

2.2 Bàn giao nợ phải thu (Kèm Mẫu số BK07- Bảng kê chi tiết bàn giao nợ phải thu): Trạm Y tế phường Thuận Giao phải trả cho Trung tâm y tế khu vực Thuận An tiền tồn kho thuốc là 48.939.631đ, trong đó:

- Tiền tồn kho thuốc tại Trạm Y Tế Thuận Giao (cũ), nay là Trạm Y tế phường Thuận Giao: 44.383.904đ

- Tiền tồn kho thuốc tại Trạm Y Tế Bình Chuẩn (cũ), nay là Điểm trạm của Trạm Y Tế Phường Thuận Giao: 4.555.727đ

2. Bàn giao tài sản:

2.1 Bàn giao nguyên trạng tài sản tại các Trạm y tế cũ (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 59.297.539.251đ, trong đó:

Tên TYT cũ	Nhà	TTB chuyên dùng	TTB văn phòng	Đất	Tổng cộng
Thuận Giao	15.415.480.206	4.296.355.210	121.739.000	14.399.424.000	34.232.998.416
Bình Chuẩn	15.343.154.905	3.740.364.430	141.317.500	5.839.704.000	25.064.540.835
Cộng	30.758.635.111	8.036.719.640	263.056.500	20.239.128.000	59.297.539.251

2.2 Bàn giao tài sản điều chuyển từ khối Dự phòng về trạm y tế phường Thuận Giao (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 107.765.913đ, trong đó:

- Trang thiết bị chuyên dùng: 73.659.228đ
- Trang thiết bị văn phòng: 34.106.685đ

III. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

TTYT khu vực Thuận An chịu trách nhiệm quyết toán tài chính từ 31/12/2025 trở về trước

Trạm Y tế phường Thuận Giao chịu trách nhiệm tài chính và tài sản từ 01/01/2026 trở về sau.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, giao mỗi bên 01 bản.

BÊN NHẬN

Đại diện UBND phường.....

BÊN GIAO

Đại diện SYT TP HCM

Đại diện Trạm y tế phường

Đại diện TTYT KV Thuận An

Mẫu số: BK02
BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TIỀN GỬI NGÂN HÀNG, KHO BẠC

A. SỐ LIỆU CHI TIẾT BÀN GIAO CHO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG THUẬN GIAO

I. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94001 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 4.225.140.541 đ

- Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận Giao số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	168.428.740
Tổng cộng						168.428.740

II. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94002 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 638.270.658đ

- Số tiền bằng chữ: Sáu trăm ba mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận Giao số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	Quỹ Khám chữa bệnh	36.816.104
Tổng cộng						36.816.104

III. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94005 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 776.401.125đ;

- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ một nghìn một trăm hai mươi lăm đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận Giao số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	31.490.000
Tổng cộng						31.490.000

IV. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94006 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 721.957.379;
- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm hai mươi một triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận Giao số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	15.676.934
Tổng cộng						15.676.934

V. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94007 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 2.105.918.818;
- Số tiền bằng chữ: Hai tỷ một trăm lẻ năm triệu, chín trăm mười tám nghìn, tám trăm mười tám đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường Thuận Giao số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	18.022.000
Tổng cộng						18.022.000

B. TỔNG SỐ LIỆU BÀN GIAO BÀN GIAO CHO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG THUẬN GIAO :

- Tổng số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc theo sổ kế toán: 270.433.778đ
- Tổng số tiền gửi ngân hàng, kho bạc đã bàn giao (cộng tổng số tiền đã bàn giao tại các bảng theo từng tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc).

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	168.428.740
-	-	-	-	-	Quỹ Khám chữa bệnh	36.816.104
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	31.490.000
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	15.676.934
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	18.022.000
Tổng cộng						270.433.778

Ghi chú:

Số liệu bàn giao trên đã tính tất cả các nguồn thu của trạm (kể cả BHYT Q4/2025)

Các khoản lương và phụ cấp theo lương đã chi trả đến hết tháng 12 năm 2025. Các khoản chi tăng lương trước hạn là chưa chi.

Các khoản chi điện, nước đã chốt hết tháng 12/2025

Các khoản chi điện thoại, internet chỉ chốt đến tháng 11/2025 (do tháng 12/2025 công ty VNPT chỉ chốt khi hết tháng và cũng không có thông báo cước để đóng sớm)

Tiền thuộc BHYT trạm còn phải trả cho Trung tâm y tế Thuận An là 48.939.631đ (do để đảm bảo KCB BHYT không bị gián đoạn)

Mẫu số: BK07
BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO NỢ PHẢI THU
TRẠM Y TẾ PHƯỜNG THUẬN GIAO

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Số tiền	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng		
A	B	C	D	1	E
A	Phải thu khách hàng				
I	Số liệu trên sổ kế toán (tổng số dư Nợ TK 131)			48.939.631	
II	Số liệu bàn giao			48.939.631	
1	Trạm Y tế Phường Thuận Giao			44.383.904	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
2	Điểm Trạm y tế phường Thuận Giao (Bình Chuẩn)			4.555.727	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
III	Chênh lệch (I-II)			0	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Thuận Giao

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế phường Thuận Giao.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x		15.415.480.206	4.624.644.062	10.790.836.144	
II	Số liệu bàn giao	x		15.415.480.206	4.624.644.062	10.790.836.144	
1	Phòng khám Đa khoa Thuận Giao			15.415.480.206	4.624.644.062	10.790.836.144	
III	Chênh lệch (I-II)			0	0	0	

B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			4.296.355.210	4.283.538.322	12.816.888	
1	Máy huyết học			98.000.000	98.000.000	0	
2	Nồi hấp sấy áp lực 24 lít SA-252F			26.116.000	26.116.000	0	
3	Tủ sấy điện (TTYT chuyển về)			22.000.000	22.000.000	0	
4	Bàn mổ đa năng			478.259.200	478.259.200	0	
5	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			26.145.000	26.145.000	0	
6	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			26.145.000	26.145.000	0	
7	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			26.145.000	26.145.000	0	
8	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			26.145.000	26.145.000	0	
9	Bộ dụng cụ hút thai			11.865.000	11.865.000	0	
10	Bộ dụng cụ hút thai			11.865.000	11.865.000	0	
11	Bộ dụng cụ hút thai			11.865.000	11.865.000	0	
12	Bộ dụng cụ hút thai			11.865.000	11.865.000	0	
13	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt			14.910.000	14.910.000	0	
14	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt			14.910.000	14.910.000	0	
15	Bộ dụng cụ khám điều trị sản phụ khoa			55.545.000	55.545.000	0	
16	Bộ dụng cụ khám điều trị sản phụ			55.545.000	55.545.000	0	

	khoa						
17	Bộ dụng cụ tháo vòng tránh thai			27.825.000	27.825.000	0	
18	Bộ dụng cụ triệt sản nam nữ			91.035.000	91.035.000	0	
19	Bộ dụng cụ triệt sản nam nữ			91.035.000	91.035.000	0	
20	Dao cắt amydal (thong lọng cắt amydal)			10.027.500	10.027.500	0	
21	Đèn mổ 1 bóng di động			154.862.400	154.862.400	0	
22	Đèn mổ 4 bóng di động			113.011.500	113.011.500	0	
23	Đèn treo khám ngũ quan			14.385.000	14.385.000	0	
24	Đèn treo khám ngũ quan			14.385.000	14.385.000	0	
25	Đèn treo khám ngũ quan			14.385.000	14.385.000	0	
26	Kính hiển vi 2 mắt			28.350.000	28.350.000	0	
27	Máy xông khí dung S.âm			11.445.000	11.445.000	0	
28	Máy xông khí dung S.âm			11.445.000	11.445.000	0	
29	Nồi hấp tiệt trùng 72lít			226.621.500	226.621.500	0	
30	Ghế tập mạnh cơ đùi			12.915.000	12.915.000	0	
31	Ghế tập mạnh cơ đùi			12.915.000	12.915.000	0	
32	Giường kéo cột sống tự động			12.600.000	12.600.000	0	
33	Kéo ròng rọc + đạp xe đạp			10.815.000	10.815.000	0	
34	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			53.760.000	53.760.000	0	
35	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò			53.760.000	53.760.000	0	

	huyết						
36	Máy chụp Xq cao tần 400mA+ máy rửa phim tự động			1.234.590.000	1.234.590.000	0	
37	Máy điện tim 3 kênh KENZ CARDICO 306			48.000.000	48.000.000	0	
38	Máy phân tích nước tiểu			36.645.000	36.645.000	0	
39	Máy quang trị liệu			58.747.500	58.747.500	0	
40	Máy quang trị liệu			58.747.500	58.747.500	0	
41	Máy siêu âm (Aloka)(CDHA chuyển về)			329.000.000	329.000.000	0	
42	Máy tạo oxy khí trời 10lít/phút			57.225.000	57.225.000	0	
43	Máy tạo oxy khí trời 10lít/phút			57.225.000	57.225.000	0	
44	Máy xét nghiệm huyết học 18 thông số tự động			283.290.000	283.290.000	0	
45	Máy XN SH bán tự động (có hệ thống hút tự động)			192.570.000	192.570.000	0	
46	Tủ sấy khô 53lít			41.391.000	41.391.000	0	
47	Tủ lạnh HBC-80			16.021.110	3.204.222	12.816.888	
D	Trang thiết bị văn phòng			121.739.000	121.739.000	0	
1	Cân kỹ thuật số			14.700.000	14.700.000	0	
2	Máy phát điện 5KVA/220V			33.736.500	33.736.500	0	
3	Máy vi tính + máy in			18.165.000	18.165.000	0	
4	Máy giặt 12kg			17.850.000	17.850.000	0	
5	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	

6	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
7	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
E	Quyền sử dụng đất			14.399.424.000	0	14.399.424.000	
I	Số liệu trên sổ kế toán (chỉ tiết TK 2113)			14.399.424.000	0	14.399.424.000	
II	Số liệu bàn giao			14.399.424.000	0	14.399.424.000	
1	Phòng khám Đa khoa Thuận Giao			14.399.424.000	0	14.399.424.000	
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			34.232.998.416	9.029.921.384	25.203.077.032	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

Sổ đồ hiện tại trạm đang giữ (có biên bản bàn giao ngày 19/08/2024).

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Bình Chuẩn

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế phường Bình Chuẩn (Cũ) nay thuộc Điểm y tế của Trạm Y tế phường Thuận Giao.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x		15.343.154.905	4.602.946.471	10.740.208.434	
II	Số liệu bàn giao	x		15.343.154.905	4.602.946.471	10.740.208.434	

1	Phòng khám Đa khoa Bình Chuẩn			15.343.154.905	4.602.946.471	10.740.208.434	
III	Chênh lệch (I-II)			0	0	0	
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			3.740.364.430	3.727.547.542	12.816.888	
1	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			13.340.000	13.340.000	0	
2	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			13.340.000	13.340.000	0	
3	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			13.340.000	13.340.000	0	
4	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			13.340.000	13.340.000	0	
5	Bộ dụng cụ khám điều trị sản phụ khoa			48.680.000	48.680.000	0	
6	Bộ dụng cụ khám điều trị sản phụ khoa			48.680.000	48.680.000	0	
7	Bộ dụng cụ tháo vòng tránh thai			12.090.000	12.090.000	0	
8	Bộ dụng cụ triệt sản nam + nữ			69.280.000	69.280.000	0	
9	Bộ dụng cụ triệt sản nam + nữ			69.280.000	69.280.000	0	
10	Bộ gương soi thanh quản			38.530.000	38.530.000	0	
11	Bộ kiểm nhỏ răng người lớn, TE			73.320.000	73.320.000	0	

12	Đèn mổ di động 4 bóng			11.500.000	11.500.000	0	
13	Máy đo điện tim Contech			12.850.000	12.850.000	0	
14	Máy quang châm			37.045.470	37.045.470	0	
15	Máy quang trị liệu			16.838.850	16.838.850	0	
16	Máy siêu âm chẩn đoán trắng đen			247.619.000	247.619.000	0	
17	Nồi hấp tiệt trùng tự động ≥ 72 lít			166.530.000	166.530.000	0	
18	Tủ sấy khô ≥ 57 lít			29.170.000	29.170.000	0	
19	Ghế tập mạnh 2 chân			10.500.000	10.500.000	0	
20	Ghế tập mạnh 2 chân			10.500.000	10.500.000	0	
21	Ghế tập mạnh cơ đùi Inox			15.750.000	15.750.000	0	
22	Ghế tập mạnh cơ đùi Inox			15.750.000	15.750.000	0	
23	Giường kéo cột sống			12.870.000	12.870.000	0	
24	Máy phân tích nước tiểu 13 thông số			61.400.000	61.400.000	0	
25	Máy quang trị liệu			136.360.000	136.360.000	0	
26	Máy quang trị liệu			136.360.000	136.360.000	0	
27	Máy tạo Oxy di động			159.120.000	159.120.000	0	
28	Máy tạo Oxy di động			159.120.000	159.120.000	0	
29	Máy xét nghiệm huyết học tự động			422.410.000	422.410.000	0	
30	Máy xét nghiệm			584.050.000	584.050.000	0	

	sinh hóa tự động						
31	Máy XQuang cao tần + máy rửa phim			1.065.380.000	1.065.380.000	0	
32	Tủ lạnh HBC-80			16.021.110	3.204.222	12.816.888	
D	Trang thiết bị văn phòng			141.317.500	141.317.500	0	
1	Cân kỹ thuật số			10.000.000	10.000.000	0	
2	Hệ thống âm thanh Amply + loa +micro			21.400.000	21.400.000	0	
3	Máy vi tính + máy in			18.460.000	18.460.000	0	
4	Ti vi sam sung 42 in loa kéo Acnos			21.000.000	21.000.000	0	
5	Máy giặt			21.430.000	21.430.000	0	
6	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	
7	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
8	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
9	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
E	Quyền sử dụng đất			5.839.704.000	0	5.839.704.000	
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)			5.839.704.000	0	5.839.704.000	
II	Số liệu bàn giao			5.839.704.000	0	5.839.704.000	
1	Phòng khám Đa khoa Bình Chuẩn			5.839.704.000	0	5.839.704.000	

III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			25.064.540.835	8.471.811.513	16.592.729.322	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

Không có sổ đỏ

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường Thuận Giao

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị: Từ khối dự phòng chuyển qua Trạm Y tế phường Thuận Giao.

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x					
II	Số liệu bàn giao	x					

III	Chênh lệch (I-II)						
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			73.659.228	73.659.228	0	
1	Tủ lạnh Dometic TCW + ổn áp			42.809.228	42.809.228	0	
2	Bộ dụng cụ điều tra bộ gây (nguồn cục y tế dự phòng)			14.500.000	14.500.000	0	
3	Máy phun StHLLSr 420			16.350.000	16.350.000	0	
D	Trang thiết bị văn phòng			34.106.685	34.106.685	0	
1	Máy tính Main h81			12.760.000	12.760.000	0	
2	Máy vi tính Dell			10.162.080	10.162.080	0	
3	Máy tính FPT Elead T8100i+ tích điện gói 30 bộ PTSN 2000			11.184.605	11.184.605	0	
E	Quyền sử dụng đất						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)						

II	Số liệu bàn giao						
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			107.765.913	107.765.913	0	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Đề án tổng thể của Ủy ban nhân dân Thành phố về sắp xếp 38 Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm 168 Trạm Y tế) trực thuộc Sở Y tế thành 168 Trạm Y tế xã, phường, đặc khu được phê duyệt kèm theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND;

Căn cứ phương án bàn giao tài chính, tài sản của Trung tâm y tế khu vực Thuận An

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại tiến hành công tác bàn giao tài chính, tài sản như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Bên bàn giao:

1.1 Sở Y Tế thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Chức vụ:

- Ông/ Bà..... Chức vụ.....

1.2 Trung Tâm Y Tế TP Thuận An :

- Ông Phan Quang Toàn Chức vụ: Giám đốc

- Bà Lê Thị Bình Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
kiêm Kế toán trưởng

2. Bên nhận bàn giao:

2.1 UBND

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông/Bà Chức vụ:

2.2 Trạm Y tế Phường An Phú

- Ông/Bà Chức vụ:

- Ông Chức vụ:

II. NỘI DUNG BÀN GIAO

1. Về tài chính

1.1 Bàn giao các loại quỹ (Kèm Mẫu số BK02-Bảng kê chi tiết bàn giao tiền gửi ngân hàng, kho bạc): 85.136.650đ, trong đó:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 43.122.923đ

- Quỹ khám chữa bệnh: 10.123.727đ

- Quỹ Khen thưởng: 7.209.000đ

- Quỹ Phúc lợi: 6.115.000đ

- Quỹ tăng thu nhập: 18.566.000đ

2.2 Bàn giao nợ phải thu (Kèm Mẫu số BK07- Bảng kê chi tiết bàn giao nợ phải thu): Trạm Y tế phường An Phú phải trả cho Trung tâm y tế khu vực Thuận An tiền tồn kho thuốc là 33.653.593đ

2. Bàn giao tài sản:

2.1 Bàn giao nguyên trạng tài sản tại các Trạm y tế cũ (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 60.382.144.067đ, trong đó:

Tên TYT cũ	Nhà	TTB chuyên dùng	TTB văn phòng	Đất	Tổng cộng
An Phú	23.832.336.557	3.340.562.510	140.677.000	33.068.568.000	60.382.144.067
Cộng	23.832.336.557	3.340.562.510	140.677.000	33.068.568.000	60.382.144.067

2.2 Bàn giao tài sản điều chuyển từ khối Dự phòng về trạm y tế phường Bình Hòa (Kèm bảng kê chi tiết bàn giao tài sản cố định, tài sản kết cấu hạ tầng): 32.896.472đ, trong đó:

- Trang thiết bị chuyên dùng: 32.896.472đ

III. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

TTYT khu vực Thuận An chịu trách nhiệm quyết toán tài chính từ 31/12/2025 trở về trước

Trạm Y tế phường An Phú chịu trách nhiệm tài chính và tài sản từ 01/01/2026 trở về sau.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, giao mỗi bên 01 bản.

BÊN NHẬN

Đại diện UBND phường.....

BÊN GIAO

Đại diện SYT TP HCM

Đại diện Trạm y tế phường

Đại diện TTYT KV Thuận An

Mẫu số: BK02

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TIỀN GỬI NGÂN HÀNG, KHO BẠC

A. SỐ LIỆU CHI TIẾT BÀN GIAO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG AN PHÚ

I. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94001 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 4.225.140.541 đ

- Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn năm trăm bốn mươi một đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường An Phú số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	43.122.923
Tổng cộng						43.122.923

II. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94002 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 638.270.658đ

- Số tiền bằng chữ: Sáu trăm ba mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng

Trong đó: Trạm y tế Phường An Phú số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Khám chữa bệnh	10.123.727
Tổng cộng						10.123.727

III. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94005 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 776.401.125đ;

- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm lẻ một nghìn một trăm hai mươi lăm đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường An Phú số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	7.209.000
Tổng cộng						7.209.000

IV. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94006 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 721.957.379;

- Số tiền bằng chữ: Bảy trăm hai mươi một triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi chín đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường An Phú số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	6.115.000
Tổng cộng						6.115.000

V. Số hiệu tài khoản: 3713.0.1117062.94007 tại KBNN Khu vực II - PGD số 18

Số dư tại thời điểm khoá sổ kế toán tiền gửi ngân hàng, kho bạc (đã xác nhận với ngân hàng, kho bạc):

- Số tiền bằng số: 2.105.918.818;

- Số tiền bằng chữ: Hai tỷ một trăm lẻ năm triệu, chín trăm mười tám nghìn, tám trăm mười tám đồng.

Trong đó: Trạm y tế Phường An Phú số tiền là:

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	18.566.000
Tổng cộng						18.566.000

B. TỔNG SỐ LIỆU BÀN GIAO CHO TRẠM Y TẾ PHƯỜNG AN PHÚ

- Tổng số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc theo sổ kế toán: 85.136.650đ

- Tổng số tiền gửi ngân hàng, kho bạc đã bàn giao (cộng tổng số tiền đã bàn giao tại các bảng theo từng tài khoản tiền gửi ngân hàng, kho bạc).

STT	Ủy nhiệm chi		Đơn vị nhận	Thông tin tài khoản nhận	Nội dung bàn giao	Số tiền
	Số	Ngày, tháng				
-	-	-	-	-	+ Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp;	43.122.923
-	-	-	-	-	+ Quỹ Khám chữa bệnh	10.123.727
-	-	-	-	-	+ Quỹ khen thưởng;	7.209.000
-	-	-	-	-	+ Quỹ phúc lợi;	6.115.000
-	-	-	-	-	+ Quỹ Tăng thu nhập	18.566.000
Tổng cộng						85.136.650

Ghi chú:

Số liệu bàn giao trên đã tính tất cả các nguồn thu của trạm (kể cả BHYT Q4/2025)

Các khoản lương và phụ cấp theo lương đã chi trả đến hết tháng 12 năm 2025. Các khoản chi tăng lương trước hạn là chưa chi.

Các khoản chi điện, nước đã chốt hết tháng 12/2025

Các khoản chi điện thoại, internet chỉ chốt đến tháng 11/2025 (do tháng 12/2025 công ty VNPT chỉ chốt khi hết tháng và cũng không có thông báo cước để đóng sớm)

Tiền thuốc BHYT trạm còn phải trả cho Trung tâm y tế Thuận An là 33.653.593đ (do đề đảm bảo KCB BHYT không bị gián đoạn)

Mẫu số: BK07
BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO NỢ PHẢI THU
TRẠM Y TẾ PHƯỜNG AN PHÚ

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Số tiền	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng		
A	B	C	D	1	E
A	Phải thu khách hàng				
I	Số liệu trên sổ kế toán (tổng số dư Nợ TK 131)			33.653.593	
II	Số liệu bàn giao			33.653.593	
1	Trạm Y tế Phường An Phú			33.653.593	Theo số liệu báo cáo xuất nhập tồn
III	Chênh lệch (I-II)			0	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế phường An Phú

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị : Trạm Y tế phường An Phú

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x		23.832.336.557	5.924.458.752	17.907.877.805	
II	Số liệu bàn giao	x		23.832.336.557	5.924.458.752	17.907.877.805	
1	Phòng khám Đa khoa An Phú			14.463.181.557	4.049.690.836	10.413.490.721	
2	Nhà(công trình cải tạo, nâng cấp pkdk An Phú thành bv điều trị			9.369.155.000	1.874.767.916	7.494.387.084	

	Covid - 19)_ NSNN Covid 19						
III	Chênh lệch (I-II)			0	0	0	
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						
	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			3.340.562.510	2.951.464.997	389.097.513	
1	Máy điện tim 1 cần Contec model 101			12.850.000	12.850.000	0	
2	Nồi hấp sấy áp lực 241 SA-252F			26.116.000	26.116.000	0	
3	Máy quang châm (Ap)			51.000.000	51.000.000	0	
4	Máy quang trị liệu (Ap)			16.838.850	16.838.850	0	
5	Bộ dụng cụ hút thai			10.815.000	10.815.000	0	
6	Bộ dụng cụ hút thai			10.815.000	10.815.000	0	
7	Bộ dụng cụ hút thai			10.815.000	10.815.000	0	
8	Bộ dụng cụ hút thai			10.815.000	10.815.000	0	
9	Bộ dụng cụ hút thai			10.815.000	10.815.000	0	
10	Máy xông khí dung siêu âm			13.429.500	13.429.500	0	
11	Máy xông khí dung siêu âm			13.429.500	13.429.500	0	
12	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt			14.943.600	14.943.600	0	
13	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt			14.943.600	14.943.600	0	

14	Kính hiển vi 2 mắt			17.850.000	17.850.000	0	
15	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
16	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
17	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
18	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
19	Bộ dụng cụ đặt vòng tránh thai			24.045.000	24.045.000	0	
20	Bộ dụng cụ tháo vòng tránh thai			25.725.000	25.725.000	0	
21	Bộ dụng cụ tháo vòng tránh thai			25.725.000	25.725.000	0	
22	Tủ sấy khô điện tử 53 lít			39.060.000	39.060.000	0	
23	Tủ sấy khô điện tử 53 lít			39.060.000	39.060.000	0	
24	Tủ sấy khô điện tử 53 lít			39.060.000	39.060.000	0	
25	Bộ dụng cụ khám điều trị sản phụ khoa			55.566.000	55.566.000	0	
26	Bộ dụng cụ khám điều trị sản phụ khoa			55.566.000	55.566.000	0	
27	Bộ dụng cụ cắt Amydal			61.446.000	61.446.000	0	
28	Máy ly tâm đa năng			70.350.000	70.350.000	0	
29	Máy điện tim điện toán 3/6 cần			80.766.000	80.766.000	0	
30	Nồi hấp tiệt trùng 75 lít			81.585.000	81.585.000	0	
31	Bộ dụng cụ triệt sản nam nữ			92.925.000	92.925.000	0	
32	Bộ dụng cụ triệt sản nam nữ			92.925.000	92.925.000	0	
33	Đèn mổ 4 bóng di			110.092.500	110.092.500	0	

	động						
34	Ghế khám và điều trị răng			127.338.750	127.338.750	0	
35	Đèn mổ 1 bóng di động			159.495.000	159.495.000	0	
36	Bàn khám và ghế điều trị TMH			266.280.000	266.280.000	0	
37	Ghế tập mạnh cơ đùi			11.865.000	11.865.000	0	
38	Ghế tập mạnh cơ đùi			11.865.000	11.865.000	0	
39	Máy hút đàm nhớt			14.910.000	14.910.000	0	
40	Máy tạo Oxy từ khí trời 5 lít/phút			21.262.500	21.262.500	0	
41	Máy tạo Oxy từ khí trời 5 lít/phút			21.262.500	21.262.500	0	
42	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số			35.595.000	35.595.000	0	
43	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			53.917.500	53.917.500	0	
44	Máy châm cứu 6 kênh có đầu dò huyết			53.917.500	53.917.500	0	
45	Máy quang trị liệu 10 châm			57.225.000	57.225.000	0	
46	Máy quang trị liệu 10 đầu châm			57.225.000	57.225.000	0	
47	Máy phân tích sinh hóa bán tự động			117.915.000	117.915.000	0	
48	Monitor theo dõi sản khoa loại song thai + xe đẩy			176.925.000	176.925.000	0	
49	Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số			281.295.000	281.295.000	0	
50	Đèn treo khám ngũ quan			14.323.050	14.323.050	0	
51	Đèn treo khám ngũ quan			14.323.050	14.323.050	0	

52	Tủ lạnh HBC-80			16.021.110	3.204.222	12.816.888	
53	Thang máy có băng ca bệnh viện_NSN Covid 19			356.400.000	133.650.000	222.750.000	
54	Thiết bị PCCC_NSN Covid 19			245.649.000	92.118.375	153.530.625	
D	Trang thiết bị văn phòng			140.677.000	123.564.500	17.112.500	
1	Cân kỹ thuật số			13.650.000	13.650.000	0	
2	Máy vi tính + máy in laser			16.065.000	16.065.000	0	
3	Máy phát điện 5kVA GENERATOR			30.597.000	30.597.000	0	
4	Máy giặt 12kg			15.697.500	15.697.500	0	
5	Máy vi tính Main			11.740.000	11.740.000	0	
6	Máy tính HP 2800 + tích điện			12.941.500	12.941.500	0	
7	Máy tính để bàn (xuất 2018) gói 20 bộ			12.606.000	12.606.000	0	
8	Máy lạnh 1.5 HP có Inverter Panasonic_NSN Covid 19			13.690.000	5.133.750	8.556.250	
9	Máy lạnh 1.5 HP có Inverter Panasonic_NSN Covid 19			13.690.000	5.133.750	8.556.250	
E	Quyền sử dụng đất			33.068.568.000	0	33.068.568.000	
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)			33.068.568.000	0	33.068.568.000	
II	Số liệu bàn giao			33.068.568.000	0	33.068.568.000	
1	Phòng khám Đa khoa An Phú			33.068.568.000	0	33.068.568.000	

III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			60.382.144.067	8.999.488.249	51.382.655.818	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) bản gốc số D 0692497 ngày cấp 28/03/1995

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÀN GIAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 2026, tại Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản công được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao: Trung Tâm Y Tế Khu Vực Thuận An

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận: Trạm Y tế An Phú

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

I. Tài sản cố định của đơn vị: Từ khối dự phòng chuyển qua Trạm Y tế An Phú

TT	Nội dung	Phiếu bàn giao		Nguyên giá	Khấu hao và hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú
		Số	Ngày, tháng				
A	B	C	D	1	2	3	E
A	Nhà công trình xây dựng						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2111)	x					
II	Số liệu bàn giao	x					
III	Chênh lệch (I-II)						
B	Xe ô tô						
	Trạm Y tế A						

	Trạm Y tế B						
C	Trang thiết bị chuyên dùng			32.896.472	32.896.472	0	
1	Hòm lạnh RCV 25 lít			12.044.472	12.044.472	0	
2	Máy phun still			20.852.000	20.852.000	0	
D	Trang thiết bị văn phòng						
E	Quyền sử dụng đất						
I	Số liệu trên sổ kế toán (chi tiết TK 2113)						
II	Số liệu bàn giao						
1	Trạm Y tế phường Lái Thiêu						
III	Chênh lệch (I-II)						
	...						
	Tổng cộng			32.896.472	32.896.472	0	

2. Các hồ sơ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)